

Truyện ngắn Nguyễn Minh

Vnthuquan.net, 2009.



Ai con Rồng, cháu Tiên?

Người Việt Nam ngày nay không ai không thuộc tích "con Rồng cháu Tiên", và cũng không ai lại không rõ Rồng ở đây là Lạc Long Quân, còn Tiên tức Âu Cơ. Đây dường như là một chân lý mà tất cả các tư liệu về sử học cũng như văn hóa đều khẳng định một cách vững vàng như đinh đóng cột. *Việt sử toàn thư* của Phạm Văn Sơn, chẳng hạn, viết "*Lạc Long Quân lấy Âu Cơ sinh ra một bọc có trăm trứng nở ra 100 con trai, nửa theo mẹ lên núi, nửa theo cha xuống bể Nam Hải, vì mẹ là giống Tiên, và cha là giống Rồng*" (tr. 38). Song le, việc Lạc Long Quân là giống Rồng thì chẳng có gì phải bàn cãi, còn Âu Cơ có thật thuộc giống Tiên chăng?

Về Kỷ Họ Hồng Bàng, Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân, các bộ cổ sử nước ta còn lưu giữ được cho đến nay, trừ *Đại Việt sử lược*, đều chép tương tự nhau, như *Đại Việt sử ký toàn thư*, phần Ngoại

Kỷ, quyển một, chép về Kinh Dương Vương như sau: "*Xưa, cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, sau Đế Minh nhân đi tuần phương Nam, đến Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra vua... phong cho vua làm Kinh Dương Vương, cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ... Vua lấy con gái Động Đình Quân tên là Thần Long sinh ra Lạc Long Quân*" (tr. 3). Về tích trên, truyện họ Hồng Bàng, sách *Lĩnh Nam trích quái*, cũng ghi: "*Kinh Dương Vương có tài đi dưới Thủy phủ, lấy con gái Long Vương ở hồ Động Đình, sinh ra Sùng Lãm hiệu là Lạc Long Quân, cho nối ngôi trị nước*" (tr. 1). Như vậy, có thể thấy Kinh Dương Vương mang trong mình một nửa dòng máu tiên, vì có mẹ là tiên nữ, do thế nên mới có tài chu du thủy phủ mà cầu hôn con gái của Động Đình Quân Thần Long. Đến Lạc Long Quân thì ngoài dòng máu tiên lại có thêm cả... máu rồng, thừa hưởng từ mẹ. Như vậy, chính Lạc Long Quân đã là "con Rồng cháu Tiên" rồi vậy.

Về phần Âu Cơ thì sử sách đều ghi rõ bà là con của Đế Lai, cháu Đế Nghi, mà Đế Nghi thì chẳng phải ai khác, chính là con Đế Minh và anh ruột Kinh Dương Vương. Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có luận rằng "*Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai mà có phúc lành sinh trăm con trai. Đó chẳng phải là cái đã gây nên cơ nghiệp của nước Việt ta hay sao? Xét sách Thông giám ngoại kỷ nói: Đế Lai là con Đế Nghi; cứ theo sự ghi chép ấy thì Kinh Dương Vương là em ruột Đế Nghi, thế mà kết hôn với nhau, có lẽ vì đời ấy còn hoang sơ, lễ nhạc chưa đặt mà như thế chăng?*" (tr. 4). Cứ theo như thế thì Âu Cơ chỉ là một công chúa bình thường, dù có theo quan niệm người xưa mà đồng hóa vua với rồng chẳng nữa, thì cũng chỉ có thể bảo bà là giống rồng, chứ không có liên hệ gì với tiên cả.

Đến đây, sẽ có những ý kiến "biện bác" cho dòng dõi nhà tiên của Âu Cơ, viện lý rằng bản thân Lạc Long Quân cũng công nhận vợ mình là... tiên. Thật vậy, *Đại Việt sử ký toàn thư* (tr. 3), cũng như các bộ sử về sau như *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đều thuật lời của Long Quân nói với Âu Cơ "*Ta là giống rồng, nàng là giống tiên, thủy hỏa khắc nhau, chung hợp thật khó*". Song thiết nghĩ nước ta từ thuở hồng hoang, trải mấy ngàn năm cho đến đời Trần mới có người chép quốc sử, lại sang tới Lê, phần huyền sử đời Hồng Bàng mới được thêm vào, thế thì có nhiều khả năng cái quan niệm sai lầm rằng Âu Cơ là tiên đã phát sinh chính trong "thời kỳ đen tối" ấy. Truyền thuyết truyền miệng, tam sao thất bản là chuyện không thể tránh; các sử gia có lẽ do không cẩn trọng nên đã "bê" câu "Ta là giống rồng, nàng là giống tiên" vào sử, góp phần củng cố thêm cho cái sai, trong khi thực tế cụm từ "con Rồng cháu Tiên" được dùng để chỉ về một mình Lạc Long Quân, vốn có mẹ là Rồng (con gái Thần Long) và bà nội là Tiên (con gái Vụ Tiên). Vì Lạc Long Quân được coi là tổ của dân tộc ta, nên người Việt ta cũng được tự nhận mình là con Rồng cháu Tiên vậy.

Nhân đây cũng xin bàn thêm, nói về chuyện Âu Cơ và Lạc Long Quân chia tay, mỗi người mang theo 50 đứa con, chúng ta vẫn thường nghe kể và thường được đọc đại khái rằng 50 người con theo cha xuống biển, 50 người theo mẹ lên núi, trong đó những người đi theo Lạc Long Quân đã lập nên nước Văn Lang. Song, cũng giống như chuyện Âu Cơ là tiên, thiết nghĩ đây cũng lại là một lầm lẫn, vì nếu quả như 50 người con đi theo Long Quân lập nên nước Văn Lang thì hẳn vương quốc này phải nằm dưới... thủy phủ. Dĩ nhiên có những lập luận cho rằng "xuống biển" ở đây là xuống những

vùng đồng bằng, duyên hải ven biển, nhưng nếu là như thế sao không nói rõ ra, mà lại mập mờ "xuống biển" đánh lận con đen? Thực ra, theo như đúng truyền thuyết cổ xưa thì nước Văn Lang là do 50 người con đi theo mẹ Âu Cơ lập nên. *Lĩnh Nam trích quái*, bộ sách sưu tầm các truyền thuyết đất Việt, chép rất rõ "Long Quân nói" *"...Ta đem năm mươi con về Thủy phủ chia trị các xứ, năm mươi con theo nàng về ở trên đất, chia nước mà trị. Lên núi, xuống bể, hữu sự báo cho nhau biết, đừng quên"*. Trăm con vâng theo, sau đó từ biệt mà đi. Âu Cơ và năm mươi con lên ở đất Phong Châu suy phục lẫn nhau, cùng tôn người con cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, lấy tên nước là Văn Lang" (tr. 1). Sở dĩ có chuyện "đổi trắng thay đen" là do các sử gia sống trong thời phong kiến phụ hệ đã bóp méo truyền thuyết, như Ngô Thời Sĩ đã chỉ ra trong *Việt sử tiêu án*, phần chép về Lạc Long Quân: *"Trong truyện lại chép: Lạc Long cùng với Âu Cơ chia con ra mỗi bên một nửa, theo cha mẹ lên núi và xuống bể, có việc gì cũng cho nhau biết. Âu Cơ đưa 50 con đến ở Phong Châu, tôn người con trưởng, đời đời gọi là Hùng Vương. Nhà làm sử muốn lấy người theo cha làm chính thống, nên đổi lời văn mà nói rằng: 50 con theo cha ở phía Nam, mà lấy Hùng Vương để đời sau, khiến cho việc mất sự thật, người đọc sách không thể không nghi được, nếu Long Quân không phải là giống Động Đình sinh ra thì không cần biện luận làm gì. Long Quân mà quả là giống Động Đình, thì loài ở dưới nước tất nhiên không thể ở trên bộ được. Những người con theo mẹ ai cũng phải lệ thuộc Long Quân, há có lẽ tất những người theo cha mới có thể được làm vua chúa, mà những người theo mẹ chỉ có thể làm man mọi ư?"* (tr. 4). Lời bàn của Ngô Thời Sĩ tưởng rất hữu lý, bởi cứ theo truyện Họ Hồng Bàng trong *Lĩnh Nam trích quái*, Lạc

Long Quân sau khi lên ngôi vẫn hay ở dưới Thủy phủ, mỗi khi dân có việc, gọi rằng "*Bố ơi! Sao không lại cứu chúng tôi*" thì mới lại lên. Đó là do giống Động Đình không sống được lâu trên cạn chăng?

Mở đầu cho sự "bóp méo truyền thuyết" có lẽ là *Đại Việt sử ký toàn thư* với câu "(Lạc Long Quân và Âu Cơ) *bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về ở miền Nam... phong cho con trưởng làm Hùng Vương, nối ngôi vua*", (tr. 4) mở đường cho các sử liệu sau này đi vào đường trái. Rồi thì một số các "hậu bối" vẫn giữ nguyên cái thuyết 50 con theo cha lập quốc mà khẳng định rằng Lạc Long Quân phong con cả làm Hùng Vương, nhưng quên không chỉnh "xuống biển" thành "về Nam", do đó tạo nên một chi tiết quái đản và mâu thuẫn...

Trên đây là vài suy nghĩ của chúng tôi về sự tích con Rồng cháu Tiên. Theo thiển ý, những chi tiết vô lý trong tích này, tuy rất đơn giản và dễ nhận ra, nhưng không hiểu vì sao vẫn gây nên sự hiểu lầm qua nhiều thế hệ, và đặc biệt với chi tiết Âu Cơ là tiên, hình như vẫn chưa hề có ai lên tiếng cải chính. Có lẽ là do ít ai để ý đến nên không nhận ra những hạt sạn nhỏ nhất, hoặc nhiều người đã nhận ra rồi mà cho là nhỏ nên không bận tâm chăng? Vậy xin nêu lên để thỉnh ý các bậc thức giả.

Tài liệu trích dẫn:

Ngô Sĩ Liên và các tác giả khác, *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB KHXH-Hà Nội, 1993

Ngọ Phong Ngô Thời Sĩ, *Việt sử tiêu án*, NXB Văn Sử, 1991

Phạm Văn Sơn, *Việt sử toàn thư*, Đại Nam-Hoa Kỳ tái bản không ghi năm

Vũ Quỳnh-Kiều Phú, *Lĩnh Nam chính quái*, NXB Văn Học, 2001

Nguyễn Minh

Hồi Giáo Đại Cương

Dẫn

Hằng ngày xem tin tức thế giới trên báo chí hay truyền hình, hẳn cụm từ “khủng bố Hồi giáo” thường xuyên được lặp đi lặp lại trước mắt hay bên tai ta. Cách đưa tin có phần phiến diện của các hãng truyền thông đã khiến không ít người đi đến nhận định sai lầm là đánh đồng Hồi giáo và khủng bố, đánh đồng Hồi giáo với sự xấu xa, lạc hậu, và chậm tiến. Đánh đồng như thế liệu có công bằng chăng? Có nhất thiết rằng một quốc gia Hồi giáo thì phải chậm tiến không? Nếu thế thì ngay cả Malaysia cũng là một nước chậm tiến mất rồi. Có nhất thiết rằng Hồi giáo là gắn liền với bạo lực không? Thế thì những cuộc thập tự chinh Cơ Đốc lễ nào không phải là bạo lực, lễ nào các vụ thảm sát người Tin Lành thời Luther và Calvin lại tốt đẹp hơn chăng? Nếu như cứ lấy những hành động của một thiểu số cực đoan mà bảo đấy là thực chất của đa số thì chắc rằng trên đời này chẳng còn một đoàn thể nào có thể gọi là tốt. Tôn giáo chân chính vốn không đạo nào xấu. Theo cách này hay cách nọ, tất cả các đạo đều chung một mục tiêu lánh ác hướng thiện. Tôn chỉ của Hồi giáo cũng chỉ hướng đến cái mục tiêu chung nhất ấy mà thôi.

Có rất nhiều người cứ luôn khẳng định Hồi giáo là đạo

nhảm, nhưng hỏi nhảm như thế nào thì lại không trả lời được. Như thế thì chẳng qua họ cũng chỉ nghe người ta nói rằng nhảm mà tin là nhảm thật, chứ sự thể ra sao thì có được biết đâu? Vậy trước khi nhận xét về một sự vật hiện tượng gì thì cứ hãy cất công tìm hiểu nó đã, như thế ắt là hơn. Hiểu được rồi thì có thể tự mình rút ra kết luận, chứ chẳng phải dựa dẫm vào kết luận của thiên hạ. Muốn biết lẽ thật về Hồi giáo thì chi bằng xem qua vài nét lịch sử đại cương của tôn giáo ấy?

Nguồn Gốc Hồi Giáo

Trên phương diện khoa học nhân văn, Hồi giáo là một tôn giáo ra đời vào thế kỷ thứ 7 sau Công Nguyên, dựa trên những nền tảng có sẵn của Do Thái giáo (Judaism) và Cơ Đốc giáo (Christianity). Đôi khi người ta cũng gọi Hồi giáo là đạo Muhammad (Muhammadanism), theo tên của đức sáng tổ. Tuy nhiên, với những tín đồ Hồi giáo, đạo của họ là đạo thường hằng trong vũ trụ, do Thiên Chúa (hay Thượng Đế) tạo ra, và vì Thiên Chúa vốn bất sinh bất diệt nên đạo của Ngài cũng bất sinh bất diệt; còn Muhammad đơn thuần chỉ là một người “thuật nhi bất tác”, thuật lại cho mọi người những mặc khải của Thiên Chúa mà thôi.

Trong quan niệm của các tín đồ, Hồi giáo không khởi sinh từ Muhammad. Với họ, con người đầu tiên do Thiên Chúa tạo ra, tức Adam, là tín đồ Hồi giáo đầu tiên, và ngay từ thuở hồng hoang, khắp đất trời đã là một vương quốc Hồi giáo. Không chỉ người mà thôi, mà tất cả muông thú, cỏ cây đều tuân theo Hồi giáo cả. Sở dĩ Adam và loài người được kiến tạo là để thay mặt Thiên Chúa cai quản các loài thảo cầm ở nhân gian. Và vì đẳng cấp của loài người cao như thế, nên Thiên Chúa đã dùng chính hình mẫu của mình ban cho con

người.

Đến đây thì vấn đề nảy sinh. Do mang hình mẫu của Thiên Chúa nên con người có được sự tự do ý chí. Sự tự do ý chí đôi khi dẫn đến những lầm lạc, lầm lạc dẫn đến rời bỏ Chúa, và xa dần chánh đạo. Khi Adam, con người đầu tiên và cũng là nhà tiên tri đầu tiên, lìa trần, con cháu ông, không còn ai chỉ bảo, càng lún sâu vào con đường tối. Do thế mà Thiên Chúa lại phải gửi xuống nhân gian những vị tiên tri mới để nhắc lại Thiên Đạo, đưa loài người về đúng nẻo ngay. Trước Muhammad, đã có hằng trăm ngàn tiên tri giảng lời mặc khải ở trần thế, trong đó có Noah, Abraham, Moses, David và Jesus Christ. Tuy nhiên, một là do loài người u mê chưa tỉnh ngộ, hai là do khả năng của các vị cổ tiên tri còn hạn chế, không truyền đạt hết được lời Chúa, mà chính đạo vẫn bị bóp méo như thường. Rốt cuộc, đến thế kỷ thứ 7, Thiên Chúa quyết định khải thị cho Muhammad, và biến ông trở thành vị tiên tri hoàn hảo nhất trước nay, hơn hẳn những tiên tri tiền nhiệm. Do đó mà đạo của Muhammad truyền bá cũng là hoàn hảo nhất, không thể bị bóp méo như trước kia. Muhammad trở thành vị tiên tri cuối cùng, và bất cứ ai dám xưng tiên tri sau Muhammad đều là kẻ tà giáo.

Như đã thấy ở trên, Abraham, sáng tổ Do Thái Giáo, và Jesus Christ, sáng tổ Cơ Đốc Giáo, đều có vị trí tiên tri trong Hồi giáo. Như vậy, Thiên Chúa mà ba tôn giáo này thờ phượng chỉ là một. Nói về Hồi giáo, chúng ta vẫn thường hay nhắc Thánh Allah, nhưng gọi như thế là sai, vì Allah trong tiếng Arab mang nghĩa là Thiên Chúa. (Những tín đồ Cơ Đốc người Arab khi cầu nguyện cũng gọi Đức Chúa Cha là Allah.). Thiên Chúa dĩ nhiên phải cao hơn Thánh, và lại trong đạo Hồi chính thống hoàn toàn không có khái niệm Thánh. Người Do Thái

Giáo và Thiên Chúa Giáo cũng được tín đồ Hồi Giáo tương đối coi trọng và gọi là Giáo Dân Thánh Thư (People of The Book). Kinh Thánh Cơ Đốc cũng là sách thiêng trong Hồi giáo, có điều người ta coi nó không đầy đủ và hoàn thiện như Koran.

Muhammad, Koran, Sunna, Và Hadith

Muhammad sinh tại Mecca, bán đảo Arab, nay thuộc lãnh thổ Arabia Saudi. Ông là một người mù chữ, trước khi nhận được mặc thị Thiên Chúa vào năm 40 tuổi thì tư chất cũng không có gì nổi trội hơn người. Những huấn dụ của Chúa được truyền đạt đều đặn cho Muhammad cho đến ngày ông qua đời thông qua thiên sứ Gabriel, và Muhammad theo đó rao giảng khắp quê hương Mecca. Bị xua đuổi ở Mecca, Muhammad dời đến Medina và thành lập hội đoàn Hồi giáo đầu tiên tại đây. Sau khi Muhammad mất năm 632, những lời giảng của ông được tập hợp lại thành sách, tức là cuốn Thánh Điển Koran.

Tuy nhiên, những lời trong kinh Koran dù sao cũng chỉ là lý thuyết, còn phần thực hành thì các tín đồ phải noi theo cung cách sống của Tiên Tri Muhammad mà lấy đó làm gương. Những câu nói, hành động hằng ngày của Muhammad được những giáo đồ thân cận ghi lại trong các tiểu phẩm nhỏ gọi là Hadith, tương tự như cách các môn sinh của Khổng Tử chép chuyện thầy trong tập Luận Ngữ. Tập hợp của các Hadith ấy được gọi là Sunna. Koran và Sunna làm nên nền tảng của Hồi Giáo, tầm quan trọng của chúng cũng như Vệ Đà Kinh (Vedas) và Áo Nghĩa Thư (Upanishads) đối với Bà La Môn giáo (Brahmanism) vậy.

Dù được tôn vinh mặc lòng, địa vị của Muhammad vẫn chỉ là một tiên tri. Nói theo ngôn ngữ Cơ Đốc giáo thì ông chỉ là một Ngôi Lời (The

Word) của Thiên Chúa, ngoài ra thì vẫn sống một đời sống của người thường, không hề và cũng không thể thực hiện phép lạ.

Nền Tảng Hồi Giáo

Trong quan niệm Hồi giáo, không hề có sự phân biệt giữa tôn giáo và chính trị, không có gì khác biệt giữa thể xác và linh hồn, tất cả hoà hợp làm một nhất thể, và nhất thể ấy hoàn toàn quy phục dưới một Đấng Tối Cao Toàn Năng. Trong những đạo giáo khác, có thể phân cách giữa đạo với đời, nhưng ở Hồi Giáo thì điều này là bất khả.

Người Hồi giáo sống trong đời tức là sống trong đạo, ngay cái ăn, cái uống, cái nhắc tay nhắc chân, nhất cử nhất động không có gì là ra khỏi Thiên Đạo, bởi vì ngoài bên Thiên Đạo chỉ còn có tội lỗi và hư không. Nói cách khác, giáo lý Hồi giáo đồng thời cũng đóng vai trò của pháp luật, và toàn bộ luật ấy được áp dụng cho tất cả giáo dân. Đó chính là điểm khác biệt rất cơ bản giữa Hồi giáo và các tôn giáo lớn khác như Phật giáo và Cơ Đốc giáo, vì ở hai tôn giáo này, chỉ những vị tu hành mới phải tuân theo những giới luật khắt khe nhất, còn giáo dân bình thường được tương đối “thả lỏng”.

Sở dĩ có sự khác biệt trên là do giáo dân đạo Hồi có thể trực tiếp câu thông cùng Thiên Chúa mà không phải thông qua bất kỳ trung gian nào, và tất cả giáo dân đều bình đẳng dưới Chúa. Bản thân mỗi tín đồ Hồi giáo là một nhà tu, họ không cần đến linh mục hay hoà thượng dẫn dắt, mà có thể tự thân tìm đến đấng tối cao. Ulama, tức hàng chức sắc giáo sỹ Hồi giáo, chỉ làm công việc rao giảng lời thánh, dạy những điều mình biết cho người chưa biết, chứ không mang những trách nhiệm tâm linh như các linh mục hay hoà thượng, không đảm trách các nghi lễ thiêng liêng như rửa tội, cầu siêu.

Những gì thiêng liêng đều thuộc về Thiên Chúa, Thiên Chúa không

chia sẻ quyền năng cho tầng lớp trung gian nào.

Luật pháp của Thiên Chúa, tức Sharia, được ghi lại trong kinh Koran và các pho Sunna. Sharia quy định rất rõ 5 điều bổn phận và trách nhiệm của một giáo dân. 5 điều ấy thường được gọi là Ngũ-Trụ-Hồi (Five Pillars of Islam). Ngũ Trụ Hồi là:

1/ Xưng tụng đức tin: một người được coi là giáo dân khi và chỉ khi người ấy chịu xưng tụng câu “Không có chúa khác nào ngoài Allah, và Muhammad là kẻ truyền tin của Người”. Khi mới sinh ra, câu đầu tiên một đứa trẻ Hồi được nghe người thân nói là câu ấy, khi già rồi chết đi, câu ấy cũng lại là lời cuối cùng bên tai.

2/ Cầu nguyện: 5 lần một ngày, vào lúc ban mai, trưa, chiều, hoàng hôn, và tối, hướng về thánh địa Mecca để cầu nguyện. Giáo dân có thể cầu nguyện ở bất cứ nơi đâu, nhưng buổi trưa ngày thứ sáu thì phải đến giáo đường, vì đó là lễ trọng.

3/ Bỏ thí: Năng làm việc phúc, giúp đỡ kẻ khó, mẹ góa con côi. Đúng theo quy tắc thì bất cứ ai có khả năng về tài chính, mỗi năm phải bỏ ra ít nhất 2.5% tổng tài sản (tài sản chứ không phải thu nhập) để bỏ thí.

4/ Nhịn ăn trong tháng Ramadan: Trong tháng Ramadan, tháng thứ 9 trong lịch Hồi giáo, tín đồ phải tuyệt đối tránh chuyện tình dục, không ăn không uống từ bình minh cho đến hoàng hôn mỗi ngày. Mục đích việc này là để trai giới cho tâm hồn thanh tịnh mà tưởng niệm Thiên Chúa, lại cũng để hiểu thấu nỗi khổ đau của những kẻ nghèo đói lang thang không có cái ăn, từ đó mà biết thương người hơn.

5/ Hành hương về Mecca: Ít nhất một lần trong đời, người Hồi giáo phải hành hương về Mecca, quê hương của Tiên Tri Muhammad, và là nơi tọa lạc Kaba, Căn Nhà Cửa Chúa. Tương truyền Kaba được

dựng lên bởi cổ tiên tri Abraham, bên trong có chứa viên huyền thạch thiêng liêng của Thiên Chúa.

Ngoài Ngũ Trụ Hồi, đôi khi người ta cũng nói đến Jihad như một trụ cột thứ 6 của Hồi giáo. Jihad không phải Thánh Chiến như người ta vẫn hiểu một cách sai lệch. Jihad là “đấu tranh vì đạo, vì lẽ phải”.

Cuộc đấu tranh ấy có thể diễn ra bên ngoài xã hội, hay trong chính nội tâm của một cá nhân. Jihad bao hàm nghĩa Thánh Chiến, vì một khi đã đấu tranh thì có thể dẫn tới chiến tranh, nhưng Thánh Chiến không đồng nghĩa với Jihad.

Vì bản chất của nó là pháp luật, Sharia không chỉ nêu lên 5 bổn phận ở trên, mà còn quy định rất rõ nhưng quy tắc trong việc tang lễ, kết hôn, ly dị, và ẩm thực, vv và vv. Nói theo ngôn ngữ hiện đại thì Sharia mang tính chất của...luật dân sự. Những quy định mọi người vẫn hay nghe nói đến đó là cấm ăn thịt heo, cấm uống rượu và các đồ gây nghiện, cấm cho vay lãi, cấm trộm cắp bạo lực, cấm một đàn ông lấy quá bốn vợ,... Cái điều luật “một ông bốn bà” này đã đem lại nhiều chỉ trích cho Hồi giáo, nhưng nếu đặt điều luật này vào bối cảnh lúc ra đời thì mới thấy là nó mang rất nhiều tính tiến bộ.

Thật vậy, bởi vì trước khi có luật ấy thì đàn ông ở Arab, cũng giống như Trung Hoa, có quyền lấy...vô số vợ, bao nhiêu tùy thích. Điều luật không những hạn chế số vợ xuống, mà còn răn rằng nếu như không đối xử được công bằng với các vợ, và không chu toàn được cho họ một đời sống sung túc thì một người đàn ông chỉ được lấy một vợ mà thôi. Nếu người nào nghèo đói mà lại cứ lấy càng nhiều vợ, đem về nuôi không nổi thì người vợ có quyền đi kiện. Hiện nay chúng ta thấy ít người nam Hồi giáo nào dám lấy hơn một vợ dù luật cho phép, một là vì nếp sống đã văn minh hơn, hai cũng là vì tài

chính không dư dả nên không dám đeo bông vậy.

Những người chỉ trích Hồi giáo cũng hay nêu ra những vấn đề về mạng che mặt và sự cấm cung phụ nữ. Nhưng xét ra thì trong kinh Koran hay Sunna không có điều nào quy định phụ nữ phải đeo mạng, chẳng qua chỉ nhắc nhở họ nên ăn bận giản dị và mặc trang phục sao cho kín ngực mà thôi. Tục đeo mạng là của phụ nữ xứ Ba Tư, người Hồi giáo bị ảnh hưởng tục này khi họ xâm lấn Ba Tư, chứ thời Tiên Tri Muhammad thì chưa có thể. Còn chuyện cấm cung thì cũng là sản phẩm của xã hội tiền Hồi, chứ không phải do Hồi giáo quy định ra. Trong những nền văn hoá cổ ở Á châu, cấm cung là chuyện thường tình.

Tóm lại, tuyệt đối tuân theo những lời răn Thiên Chúa đã nêu trong Thánh Thư, làm lành tránh dữ, như thế tức là sống một đời đạo hạnh. Cũng như các tôn giáo khác, Hồi giáo có một “hệ thống” để thưởng thiện, phạt ác, thiện thì thăng thiên đàng, mà ác phải đọa địa ngục.

Những Hê Phái Hồi Giáo- Sunnites and Shiites

Sau cái chết không để lại di thư của Tiên Tri Muhammad, vấn đề ai sẽ kế vị ông trên ở ngôi vị Caliph (thống lãnh giáo đoàn) trở nên nóng bỏng. Một nhóm tín đồ ủng hộ bố vợ của Tiên Tri là Abu Bakr, nhóm khác lại tiến cử Ali, cháu và cũng là con rể Muhammad. Cuối cùng thì nhóm của Abu Bakr thắng, nhưng những xung đột giữa nhóm ủng hộ ông và phe Ali vẫn âm ỉ như sóng ở đáy sông. Tuy Abu Bakr mất sớm chỉ sau 2 năm nắm quyền (634), Ali vẫn bị đánh bại trong 2 cuộc “tranh cử” caliph liên tiếp sau đó, trước Umar và Uthman. Ali trở thành Caliph sau khi Uthman chết, nhưng bị dòng họ Umayyad, phe phái của Uthman, chống đối.

Sự qua đời của Ali đánh dấu chấm hết cho một Hồi giáo thống nhất, vì sau đó chiến tranh giành quyền lực đã diễn ra giữa các con trai ông, Hasan và Husayn, và dòng họ Umayyad. Trong trận kịch chiến giữa hai phe tại chiến trường Kabala (680), Husayn chết tại trận. Từ đó trở đi, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa, và Hồi giáo chính thức chia ra 2 hệ phái, phái Shiites do các hậu duệ của Ali lãnh đạo, và phái chính thống Sunnites.

Sở dĩ gọi Sunnites là chính thống vì hệ phái này trung thành với những giáo lý nguyên thủy từ thời Tiên Tri Muhammad, trong khi bên phái Shiites, giáo lý ấy được biến đổi nhiều đi nhiều. Những người Sunnites theo đúng niềm tin rằng không có tầng lớp trung gian giữa Chúa và con chiên, không có các bậc Thánh. Caliph, thủ lĩnh Hồi giáo Sunnites, chỉ có thế quyền mà không có thần quyền. Việc giảng giải kinh Koran và Sunna, cũng như các chuyện đại sự, là do tập thể các chức sắc cùng quyết định, chứ Caliph không thể độc đoán.

Ngược lại, người Shiites gọi thủ lĩnh của mình là Imam và tôn sùng vị ấy như một bậc Thánh. Imam là người toàn quyền quyết định vạn sự, là người duy nhất có quyền biện giải kinh Koran, một lời Imam nói ra là bất khả tư nghi. Tuy trên lý thuyết, Muhammad vẫn là Tiên Tri ở địa vị cao nhất, nhưng trên thực tế, người Shiites coi địa vị của Ali, vị Imam đầu tiên, có phần còn cao hơn. Với nhiều tín đồ Shiites, Karbala, nơi Imam Husayn tử trận, là một thánh địa còn thiêng liêng hơn cả Mecca.

Sau khi một Imam chết đi, đôi khi lại xảy ra một vụ tranh giành quyền lực, do đó mà từ Shiites Hồi giáo lại nảy sinh ra thêm những hệ phái nhỏ khác. Hệ phái Shiites được coi là chính thống lưu truyền được đến đời Imam thứ 12 là Muhammad al-Muntazar. Vị Imam này có vai

trò gần giống như Jesus Christ của Cơ Đốc giáo, ông đột ngột mất tích vào thế kỷ thứ 9, và người ta lưu truyền rằng ông chỉ trở lại nhân thế sau Ngày Phán Quyết (Judgement Day), lúc Thiên Chúa đã trừng phạt mọi tội lỗi và biến thế giới thành một vương quốc Hồi giáo tinh tuyền như xưa. Từ ngày al-Muntazar ra đi cho đến nay, ngôi vị Imam để trống, những vị thủ lĩnh mới, tức Ayatollah, chỉ là người tạm thời thay thế, và không có được quyền lực cao như Imam.

Một điểm khác biệt nữa giữa Shiites và Sunnites là ở chỗ thế giới quan Shiites có phần bi quan hơn. Người Shiites đề cao hơn sự khổ hạnh và tử vì đạo. Vì Imam Husayn đã tử vì đạo, do đó trở thành một truyền thống được đề cao trong hệ phái này.

Sự Phát Triển Của Hồi Giáo

Một thế kỷ sau ngày mất của Tiên Tri Muhammad, Hồi giáo đã được phổ biến rộng khắp từ lưu vực sông Indus, Ấn Độ phương Đông cho đến Bắc Phi và Tây Ban Nha phương Tây, theo chân sức mạnh quân sự của các vương triều Arab. Ở vùng Đông Nam Á xa xôi, nơi vó ngựa xâm lăng Arab không vươn tới nổi, Hồi giáo dần dần được du nhập qua những hoạt động buôn bán, giao thương. Đế Quốc Ottoman, Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, tiếp tục mở rộng tầm ảnh hưởng đạo Hồi sang đến Đông Âu qua những cuộc xâm chiếm, trong khoảng thời gian từ thế kỷ 14 tới thế kỷ 17. Từ Bắc Phi, Hồi giáo lại lan truyền xuống Đông và Tây Phi, cạnh tranh mạnh mẽ với Cơ Đốc. Những người Phi da đen bị bắt làm nô lệ đưa sang châu Mỹ lại góp phần truyền bá đạo tại vùng đất mới. Theo làn sóng nhập cư thời hiện đại, hiện nay các cộng đồng Hồi giáo có mặt khắp nơi trên thế giới, với dân số lên đến trên một tỷ người. Số lượng tín đồ đạo Hồi chỉ đứng sau có Cơ Đốc.

Dĩ nhiên, khi lan truyền đi khắp nơi, đôi khi Hồi giáo không còn được tinh tuyền như cũ. Nó hấp thụ những bản sắc văn hoá bản địa, những tinh hoa của tôn giáo bản địa, mà trở nên dị biệt với đạo gốc. Khi những dị biệt quá lớn thì nó trở nên những tôn giáo mới, chẳng hạn như đạo Bahai ở Trung Đông, và Shiksm ở Ấn Độ. Người Hồi giáo không còn coi những đạo ấy là...Hồi một chút nào nữa. Trường hợp của đạo Huyền Hồi (Sufism) thì phức tạp hơn. Trong khi nhiều tín đồ Hồi giáo vẫn bao dung đạo này, một số khác lại công kích nó là tà giáo.

Đạo Huyền Hồi

Huyền Hồi, tức là Hồi Giáo huyền hoặc. Trên phương diện triết lý thì Huyền Hồi đối với Hồi giáo cũng tương tự như Thiền Tông đối với đạo Phật. Nhưng về hình thức, Huyền Hồi lại hàm chứa những nghi lễ thần bí kiểu như Mật Tông. Huyền Hồi đáp ứng nhu cầu thăng hoa về tâm linh mà một Hồi giáo nguyên thủy do quá nhập thế đã không cung cấp.

Sở dĩ nói giáo lý Hồi nhập thế là vì nó chủ yếu chỉ đề cập đến những phạm trù hình nhi hạ mà thiếu nhiều về hình nhi thượng học. Hồi giáo ra đời chưa bao lâu thì một số tín đồ thức giả đã nhận thấy điều ấy, và quyết định thổi thêm vào tôn giáo một chiều sâu. Những tín đồ này nhấn mạnh vào những khía cạnh huyền bí trong cuộc đời Muhammad, đến những lần ông rời bỏ giáo đoàn để thiền quán một mình, họ rút ra kết luận rằng quán tưởng tâm linh mới là cứu cánh cho sự an lạc vĩnh hằng, và sở dĩ Muhammad, hay Thiên Chúa thông qua Muhammad, chỉ chuyên chú dạy về lý lẽ hình nhi hạ chẳng qua là do thính chúng không đủ sức tiếp thu chân đế.

Từ thế kỷ thứ 9 trở đi, Huyền Hồi ngày càng xa cách Hồi giáo nguyên

thủy. Do chú trọng về tâm linh, dĩ nhiên tín đồ Huyền Hồi đặt nhẹ vật chất và chủ trương một đời sống khổ hạnh. Tuy nhiên, điểm khác biệt rõ nhất giữa họ và các tín đồ chính thống thể hiện trong vấn đề cứu cánh. Tín đồ chính thống sống đời đạo hạnh để về Thiên Đàng và được ở dưới chân Thiên Chúa, trong khi mục đích tối hậu của tín đồ Huyền Hồi là hợp nhất cùng Chúa, tan biến linh hồn vào Chúa bao la. Để đạt đến cứu cánh có nhiều phương cách khác nhau, tín đồ Huyền Hồi thường tụ tập cộng tu, quán tưởng Thiên Chúa qua việc niệm tên Ngài không ngơi nghỉ; rồi bằng những khúc nhạc và điệu vũ thần bí kéo dài hàng giờ, họ tìm đến Đấng Toàn Năng. Họ tin rằng những vũ nhạc ấy có năng lực siêu nhiên đưa bản thân lên một trạng thái thăng hoa, cầu thông cùng Thiên Chúa. Do quan điểm có thể cầu thông cùng Thiên Chúa nên trong Huyền Hồi mới nảy sinh khái niệm Thánh. Tuy tín đồ Huyền Hồi vẫn chấp nhận giáo điều rằng Muhammad là Tiên Tri cuối cùng, họ vẫn tin mình có thể đạt tới cảnh giới Thánh, một địa vị còn cao hơn...Tiên Tri. Một số người còn đi xa hơn, như al-Hallaj (mất năm 922) khi khẳng định nếu bản thân đã hợp nhất cùng Chúa thì bản thân ấy cũng chính là Chúa. Đến đây thì triết lý của họ chẳng còn là Hồi nữa mà thành ra... Phật; Thiên Chúa mà họ đề cập lấy trong Phật giáo gọi là Pháp Thân, còn cá nhân hoà vào Thiên Chúa chính là Báo Thân. Một thiếu số Huyền Hồi khác nữa, lãnh đạo bởi Ibn al-Arabi (mất năm 1240) thì “biến” Thiên Chúa thành một dạng linh hồn vũ trụ kiểu như Brahman của Bà La Môn giáo. Theo thiếu số này thì Thiên Chúa bàng bạc khắp mọi nơi, có mặt trong vạn vật; một hòn đá, hay một ngọn cỏ, không gì không phải là Thiên Chúa. Lý luận như thế tức là họ đã đánh đồng Thiên Chúa cùng với Thiên Đạo, hay nói theo Cơ Đốc là đánh đồng Chúa Cha

(God The Father) và Thánh Linh (Holy Spirit).

Như đã trình bày ở trên, tín đồ Huyền Hồi thường sử dụng hình thức cộng tu, từ cộng tu dẫn đến đời sống tu viện (monastery). Nên nhớ rằng Hồi giáo chính thống không chấp nhận tu viện, nên sự thành lập viện lại càng đưa Huyền Hồi ra xa gốc rễ. Cuộc sống trong tu viện tuy khắc khổ nhưng không quá nghiêm cấm như trong các nhà tu kín Cơ Đốc, vì trọng tâm Huyền Hồi muốn nhấn là tình yêu. Huyền Hồi, không gì khác hơn, chính là đạo của tình yêu.

Dĩ nhiên Hồi giáo chính thống cũng dạy người yêu kính Thiên Chúa, nhưng không nhấn mạnh tình yêu bằng bổn phận và trách nhiệm.

Giáo dân chính thống được dạy phải thực hành Ngũ Trụ Hồi vì đó là bổn phận, nhưng tín đồ Huyền Hồi thực hành nó chỉ vì tình yêu Thiên Chúa mà thôi. Giáo lý Huyền Hồi nhấn mạnh rằng tình yêu Chúa phải bao la vô hạn định, và nhất mực không được kèm theo lòng vị lợi hay một điều kiện nào. Rabia al-Adawiyya (mất năm 801), một bậc anh thư dòng Huyền Hồi, đã để lại những lời bất hủ như sau:

“Lạy Chúa

Nếu con thờ phượng Chúa chỉ vì sợ sa Địa Ngục, xin thiêu đốt con nơi Địa Ngục.

Nếu con thờ phượng Chúa chỉ vì mong được Thiên Đàng, xin đuổi con khỏi Thiên Đàng.

Nhưng Chúa ơi

Nếu con thờ phượng Chúa chỉ vì lòng yêu Chúa mà thôi, xin đừng lấy khỏi con vẻ mỹ hăng của Chúa”.

Thế Nào Là Fundamentalism

Sự tiếp xúc Đông Tây trong thời kỳ thực dân đã dẫn đến nhiều phong trào cải cách trong Hồi giáo. Những phong trào ấy đào thải những hủ

tục trì trệ, và tiếp thu vào đạo những tinh hoa văn hoá Tây phương. Kinh Koran và Sunna được diễn dịch lại theo phong cách mới để theo cùng thời đại. Ở nhiều quốc gia Hồi giáo, đặc biệt là Thổ Nhĩ Kỳ, từ khoảng đầu thế kỷ 20 trở đi, tôn giáo và chính trị dần dần trở thành hai lãnh vực riêng biệt.

Sự thay đổi ấy cố nhiên không làm hài lòng một bộ phận bảo thủ. Những người bảo thủ do thế mà phát động “phản cải cách”, kêu gọi mọi người “về nguồn”, khôi phục lại Hồi giáo tinh tuyền và bác bỏ đi những tư tưởng ngoại lai. Những phong trào “Về nguồn” như vậy đang phổ biến trên thế giới ngày nay, và được phương Tây gọi bằng cái tên “fundamentalism”, hoặc “Islamism”. Nếu chỉ căn cứ vào nhật báo hằng ngày thì fundamentalism cũng đồng nghĩa với khủng bố, nhưng trên thực tế thì không phải thế. Quả thật, cũng có những nhóm người chủ trương “Về nguồn” bằng cách dùng bạo lực phá hoại thể chế hiện tại, song phần đông chỉ hoạt động trong hoà bình. Trong những nhóm hoạt động hoà bình lại chia ra hai xu hướng. Xu hướng thứ nhất là chống “Tây phương hoá và hiện đại hoá”. Những người theo xu hướng này chẳng những chống phương Tây và còn chống mọi biểu hiện của khoa học kỹ thuật do phương Tây đem lại, như TV, máy tính, vv..., coi đó là những sản phẩm độc hại cần loại bỏ. Với họ, những thành tựu của văn minh chỉ làm hư hỏng thêm con người. Dĩ nhiên, xu hướng kể trên mang nhiều tính phản động.

Xu hướng thứ hai là xu hướng chủ đạo, chỉ chống “Tây phương hoá”. Xu hướng này thì phổ biến ở mọi nền văn hoá phương Đông, chứ không cứ gì văn hoá Hồi giáo. Những người theo xu hướng hai mặt tiếp nhận thành tựu khoa học phương Tây, một mặt duy trì bản sắc dân tộc để không mất gốc. Một mặt họ thu hút lấy những tinh

hoa của nước ngoài, một mặt họ đấu tranh loại bỏ những hệ quả xấu kèm theo, chẳng hạn như chủ nghĩa vật chất và lối sống thác loạn. Như vậy có thể thấy Fundamentalism chân chính chẳng qua chỉ là phong trào duy trì bản sắc đó thôi. Tuy những tổ chức như Al Qaeda cũng giương cao ngọn cờ Fundamentalism, nhưng nó không thể đại diện cho Fundamentalism, cũng như sự diệt chủng do Pol Pot gây ra trong thập niên 1970 không thể đại diện cho chủ nghĩa Marx.

Kết

Xin nhắc lại, mục tiêu của tôn giáo có thể tóm gọn trong hai chữ hướng thiện. Hồi giáo là một tôn giáo, nên tôn chỉ cũng không thể nằm ngoài hai chữ này. Lược qua vài nét chính của Hồi giáo trong lịch sử 1400 năm, ta càng thấy rõ điều ấy. Nếu có xét nét thì cũng chỉ có thể bảo rằng đạo Hồi chỉ chú trọng phần thực dụng mà thiếu vắng cái cao siêu, nhưng sự thiếu vắng ấy thì Huyền Hồi đã bổ sung rồi. Vả lại những cái gọi là cao siêu kia có thực ích lợi cho nhân quần hay chẳng thì hãy còn là điều gây tranh cãi. Cũng có thể bảo Hồi giáo “duy ngã độc tôn”, tự cho mình là thường đạo của vũ trụ, nhưng thử hỏi có tôn giáo nào lại không “duy ngã” bao giờ? Trải qua thời gian, trong nội bộ Hồi giáo không khỏi xảy ra những chia rẽ, xung đột, song như thế hãy còn là ít so với các đạo khác. Một minh chứng là số hệ phái trong Hồi giáo hiện nay ít hơn rất nhiều so với đạo Cơ Đốc.

Những hành động khủng bố hiện nay quả tình gây tác động xấu đến thanh danh Hồi giáo, nhưng những kẻ khủng bố chẳng qua cũng chỉ là nhân danh đạo mà làm xằng đó thôi. Trong đạo phái nào lại không có những kẻ xấu giả danh, và tùy lúc tùy thời mà những kẻ ấy có cơ lộ hành ít hay nhiều. Điều quan trọng là ta phải biết tỉnh táo mà xét

đoán, nhận ra đâu là “sâu” và đâu là “canh” vậy.

Bibliography:

Eickelman, Dale F. & Piscatoni, J. 1996, Muslim Politics, New Jersey: Princeton University Press.

Ernst, Carl W. 1997, Sufism, Boston & London: Shambala.

Esposito, J.L. 1995, The Islamic Threat: Myth or Reality?, New York: Oxford University Press.

Esposito, J.L. 1998, Islam: The Straight Path, New York: Oxford University Press.

Hussain, J. 1999, Islamic Law and Society: An Introduction, Leichhardt, NSW Federation Press.

Manger, L. 1999, Muslim Diversity: Local Islam in Global Contexts, London: Curzon.

Ruthven, M. 2000, Islam in The World, Penguin Books.

Stowasser, BF. 1984, Muslim Women, London: Croom Helm.

Nguyễn Minh

Hồn Đá Trong Mưa

Trời sinh con gái nhu mì quá

Đồng tiền trên má lúm làm chi

(Thơ Nguyễn Nam Phương)

Mưa vẫn rơi, ngày càng nặng hạt; con đường về thì còn hun hút xa

xăm. Phố vắng lạnh lòng ghê, vài khách bộ hành tất ta tất tưởi.
Những cành cây oằn mình trong gió, gió quất mưa găm trên da thịt
như lưỡi dao. Xe chạy tấp qua, vấy bùn văng lên áo trắng lụa thưa.
Ngọn đèn đường trên cao trông nhập nhòa đắm nước, lúc vàng lúc
đỏ.

“Mưa vẫn mưa bay cho đời biển động. Làm sao em biết bia đá không
đau”. Người nhạc sỹ họ Trịnh đã dùng hồn của mình mà viết nên 2
câu hát ấy. Phải mà, chuyện thế nhân thì đầy dẫy những bể dâu, với
dòng thời gian tàn nhẫn trôi đi thì nỗi buồn nào cũng đều hóa đá:
Những tảng đá xù xì và thô nhám, cứng rắn và lạnh tanh; nhưng ai
có biết đâu rằng trong đá vẫn có hồn. Đá có còn biết đau, biết hận
hay không, điều đó chỉ bản thân đá biết.

Trời sinh con gái nhu mì quá

Đồng tiền trên má lúm làm chi

Sài Gòn mình hôm nay trời đẹp không em? Có nắng vàng không hay
cũng mưa giông như ở nơi này? Những buổi trời mưa có còn tên
điên nào chở em chạy lăng quăng trên phố? Chắc là không đâu nhỉ,
bởi nếu người yêu em biết anh ấy sẽ không được hài lòng, và vì sức
khỏe em không tốt nên tốt nhất là không nên như thế. À, mà những
ngày ấy chắc chẳng còn đọng lại gì nhiều trong ký ức, phải không?
Mưa thì nước nhòa ướt mặt, rét thấu cắt da, chứ có gì vui đâu để
nhớ. Chỉ mong mười năm sau gặp mặt còn nhận ra và lên tiếng chào
nhau, vậy đã là quý hóa lắm rồi.

Em biết không, mưa ở nơi đây khác với chỗ mình. Dù cho cơn mưa
có to đến mấy thì cũng ít khi nghe sấm sét. Ông trời ở đây hiền lắm,
có buồn thì khóc chứ chẳng nổi điên mà hét rống gầm vang. Như

vậy cũng thật là hay, em nhỉ, vì nỗi lòng mình thì chỉ nên dành cho riêng mình gánh, có lý nào lại bắt lụy cả người ta.

Trời sinh con gái nhu mì quá

Đồng tiền trên má lúm làm chi

Mưa đến bao giờ mới ngưng đây? Những chiếc lá úa xoáy theo con nước rồi sẽ trôi đi đâu? Chiếc lá có định mệnh không? Con người có định mệnh không? Ngày xưa em có nói về số phận, rằng những gì được tiền định là của ta thì rồi sẽ phải thuộc về ta. Nhưng những gì trời đã định không phải của ta thì sẽ như thế nào? Chẳng lẽ không có lấy 1 chút hy vọng nhỏ nhoi nào hay sao? Chẳng lẽ là như thế bất chấp cả 1 đời gắng sức? Mà thôi, lũ phàm phu như chúng mình thì đâu biết được lẽ huyền vi, đành chỉ cố công rồi tới đâu hay tới đó. Lá chỉ biết sống đời của lá, còn nổi trôi phiêu bạt ra sao đành phó mặc gió ngàn.

Những giọt mưa kia rơi xuống tạo nên sông, nước sông bốc hơi lên tạo thành mây trôi lơ lửng, để rồi mây lại tan mà hóa ra mưa. Đời người chắc cũng thế, em ơi: Tử rồi sinh, sinh rồi lại tử, muôn ngàn triệu kiếp mà mỗi kiếp chỉ như 1 giấc phù du. Ngay cả 1 tình yêu mãnh liệt tưởng sống muôn đời thì cũng sẽ tan thôi khi thân xác đã theo về cát bụi. Mỗi khi em bước qua 1 nắm mồ lạnh lẽo, sao em biết đó không phải là mình trong 1 kiếp xa xưa?

Trời sinh con gái nhu mì quá

Đồng tiền trên má lúm làm chi

Mưa vẫn nặng hạt và gió vẫn rít gào, nhưng đường về đã thu ngắn lại. Thi nhân vẫn hay bảo mưa buồn, mà những cơn mưa tầm tã như

thế này thì lại càng buồn lắm. Thật ra, họ đều sai cả, vì thực sự mưa có buồn hay không là tùy thuộc vào...em. Nếu có em thì mưa buồn cũng hóa ra vui, mà vắng em thì tim mưa bỗng nhiên tê dại. Sở dĩ như vậy bởi do em là niềm vui và niềm hạnh phúc, em có biết không? Ấy thế mà niềm vui kia nhiều khi lại ủ ê rầu rĩ.

Em bây giờ có còn buồn như xưa không? Có còn trách số phận không cho em may mắn? Nếu còn thì em hãy nghĩ thoáng ra 1 chút đi. Chẳng phải như 1 triết gia đã nói đó sao, em sinh ra được làm người chứ không phải muông thú cỏ cây, em sinh ra thân thể vẹn toàn không mang khiếm khuyết, lại có 1 gia đình hạnh phúc, 1 mái ấm tuy không nhung lụa nhưng cũng nệm ấm chăn êm, đòi hỏi nhiều thêm nữa e rằng quá đáng chẳng? Hơn thế nữa, em lại còn có điểm phúc được sánh đôi với người em yêu! Chẳng phải ông trời đã quá ưu đãi em ư, nếu em vẫn trách thì thật là bất công cho ông ấy quá.

Trời sinh con gái nhu mì quá

Đồng tiền trên má lúm làm chi

Cuối cùng thì cũng về được tới nhà, mưa ngoài kia giờ dù to đến mây cũng thâm kệ. Có điều là mưa trời thì trú dễ, chứ mưa trong lòng thì biết lấy chi che cho khỏi buồn giá đây? Trốn người ta thì trăm cách sẵn sàng, nhưng trốn chính mình thì đi đâu cho thoát? 1 khi nào tảng đá chưa chuyển kiếp, thì khi ấy hồn đá còn mang vấn vương.

Nguyễn Minh

Những kính màu

Mừng rít vệt hơi thuốc cuối cùng rồi nén điếu thuốc cháy dở xuống vũng nước, không khỏi nhìn theo với ánh mắt tiếc rẻ. Ba, bốn tháng nay — anh mới được hút một điếu thuốc thơm chiến lợi phẩm ...

Đơn vị đặc công của Mừng đêm nay sẽ phải thi hành một nhiệm vụ khó khăn, ác liệt nếu không muốn nói là cảm tử. Mừng cùng trung đội bộc phá có nhiệm vụ mở ra một hành lang tiến công cho tiểu đoàn bộ binh có nhiệm vụ đánh chiếm căn cứ thiết giáp ở ngoại ô Buôn Ma Thuột.

Lễ truy điệu được tổ chức từ chiều và mỗi chiến sĩ đặc công có nhiệm vụ cảm tử đều được phong kẹo lạc, ba điếu thuốc thơm gọi là quà của cấp trên. Trung đội của Mừng được chọn và dù hồi hộp lo lắng nhưng ai cũng tự trấn an bằng cách tin vào sự may mắn của Mừng trong đơn vị. Thực vậy, khá nhiều lần - hể chuyển công tác nào có mặt Mừng, đều kết thúc tốt đẹp với số thương vong hầu như không đáng kể.

Cậu là bùa hộ mệnh của đơn vị ! Thủ trưởng của Mừng nói.

Là lính nhập ngũ đúng vào đợt bổ sung cho chiến trường Quảng Trị, Mừng từ giã làng quê Hưng Yên của mình để lao vào cuộc chiến. Anh nhỏ con nhưng khỏe mạnh và bơi lội giỏi như một con rái cá. Đó cũng là lý do anh được biên chế về đơn vị đặc công.

Chú có việc gì vui lắm phải không ? Một lính già cùng đơn vị hỏi.

Không sao anh nghĩ thế ? Mừng hỏi lại với vẻ ngạc nhiên.

Ngẫm nghĩ một lúc, người lính già trả lời :

Anh đoán vậy ! Suốt ba bốn ngày nay chú cứ vui hơn hơn !

Mừng thoáng đỏ mặt. Trong bóng tối nhập nhoạng người lính già không sao phát hiện ra sự bối rối ấy của Mừng. Ông ta đoán đúng !

Không phải ba bốn ngày mà là suốt cả tuần lễ, cậu lính trẻ gặp chuyện hết sức vui vẻ. Thế nhưng niềm vui ấy không thể chia sẻ được với ai, không thể tâm sự với bất kỳ một gã bạn trai nào, nếu không muốn bị những hình thức kỷ luật của đơn vị !

Nhuần - cô chiến sĩ cơ yếu cùng quê với Mừng, lớn hơn anh bốn tuổi, đã cho anh nếm trải cảm giác là đàn ông vào đêm thứ bảy tuần trước. Hai người có tình ý với nhau đã lâu và luôn hẹn hò nhờ điểm của Liễu - cô bạn y tá cũng cùng quê hương của họ.

Em cho anh, để anh nhớ mà về với em trong các lần chiến dịch !

Nhuần nói qua nước mắt. Thực ra, Mừng cũng hiểu - cô đến với anh và cho anh tất cả, chỉ vì cô không muốn anh mất mạng lúc còn là gã trai tân ! Cho đến đêm chuẩn bị bước vào công tác gần như cảm tử, Mừng và Nhuần đã ăn ở với nhau cả chục lần Có điều, không như Mừng - Cô gái đã từng trải qua đàn ông và không son sẻ như bề ngoài anh đánh giá. Tuy vậy, anh vẫn hết sức trân trọng và cảm ơn cô gái đã cho anh điểm phúc được làm một gã đàn ông hoàn chỉnh.

Họ không sợ sẽ lưu lại hậu quả. Liễu - cô bạn y tá có đủ biện pháp giúp họ tránh được hậu quả tất yếu của cuộc tình nồng cháy. Họ thề thốt với nhau và tin chắc vào tình yêu của chính mình dành cho đối tượng. Đó chính là niềm vui thầm kín của Mừng ...

Còn hơn nửa giờ mới đến thời điểm nổ súng. Mừng nằm ngửa trong lòng con rãnh cạn. Anh rút trong túi quần đùi ra chiếc khăn tay nhỏ đưa lên mũi ngửi. Nhuần mới trao cho anh sáng nay gọi là để kỷ niệm. Chiếc khăn được để chung với quần áo vật dụng của cô gái suốt một thời gian dài nên hương thơm khá đượm. Mừng hít một hơi thật sâu mùi hương của cô bạn gái rồi gấp lại cất vào chỗ cũ, chiếc khăn là vật duy nhất được anh mang theo vào cuộc chiến.

Rốt cuộc trận tập kích đạt thắng lợi mà đơn vị của Mừng chẳng có lấy một thương vong nào. Trại thiết giáp bị đánh tan tành, xe các loại bị phá hỏng hoặc bắn cháy bằng B40, trong khi các đơn vị tham gia

chỉ thiệt hại gần như không đáng kể.

Tao đã nói rồi mà... Có thằng Mừng là hên lắm đấy ! Ông thượng úy già chính trị viên tiểu đoàn của Mừng hả hê nói.

Cánh quân, trong đó có đơn vị đặc công của Mừng — được lệnh áp sát chi khu Đức Lập để chuẩn bị cho một cuộc tấn công quy mô lớn. Mừng tranh thủ xuống thăm Nhuận và cũng để tặng cô một món quà do anh tự tay làm lấy từ vỏ nhôm của chiếc thiết vận xa M113 bị bắn cháy trong trận đánh vừa qua.

Anh cứ vẽ chuyện ! Nhuận không cần quà, chỉ cần anh quay lại bình yên là Nhuận vui rồi... Cô gái nói với đôi mắt rơm rớm ...

Trận tấn công chi khu Đức Lập nổ ra vào tờ mờ sáng một ngày đầu tháng ba. Phòng ngự cứ điểm có thêm một tiểu đoàn bộ binh chủ lực vừa tăng cường và một đại đội trinh sát chiến đoàn 53. Để giải quyết số tăng viện bất ngờ vào giờ chót này, bộ chỉ huy chiến dịch quyết định trong toàn bộ đơn vị đặc công vào cuộc. Tất cả đều trang bị thật gọn, súng AK với vài băng đạn còn lại là lựu đạn, thủ pháo v.v... Đương nhiên, với cách đánh này, đơn vị của Mừng chắc chắn sẽ chịu một thiệt hại rất nặng.

Ngay từ loạt đạn đầu tiên, Mừng đã bị thương. Viên đạn đại liên M60 xuyên qua một ống vỏ đạn đại bác trước khi ghim vào ngực phải của anh.

Anh chẳng còn biết gì về trận đánh cho đến lúc hồi tỉnh ở bệnh xá sư đoàn 316. Vết thương cũng không có gì nguy hiểm nhưng theo bước hành quân của chiến dịch, tháng sau - Mừng đã được chuyển vào điều trị ở bệnh viện Nguyễn Huệ. Nha Trang đã hoàn toàn bỏ ngỏ trước đó vài ngày...

Nằm trên giường bệnh Mừng sốt ruột theo dõi diễn tiến của cuộc chiến mà anh mơ hồ nghĩ đến một kết thúc thật gần.

Ngày 27, anh xuất viện cùng một số lớn binh lính và được chở vào mặt trận bao vây Sài Gòn. Ai nấy đều căng thẳng. Nếu địch cứ tháo chạy toán loạn như từ những ngày đầu chiến dịch Tây Nguyên thì chẳng có gì đáng nói... nhưng, nếu dùng một cái — chúng cố thủ, bằng phương tiện vũ khí có trong tay và một lực lượng còn khá hùng hậu, sẽ là cực kỳ khó khăn !

"Giải phóng rồi anh em ơi !" Có ai đó reo lên. Những chiếc máy thu thanh nhỏ xíu được mở hết công suất đang phát lên lời kêu gọi binh sĩ bỏ súng tại chỗ, chấp nhận đầu hàng vô điều kiện của Dương Văn Minh ! Tất cả đều không cầm được nước mắt...

Sống sót sau chiến tranh, đã là một kỳ tích - chẳng những vậy còn được hưởng cảm giác của kẻ chiến thắng... Khó mà diễn tả nổi tâm trạng của một người lính Hà Nội lúc bấy giờ.

Bỏ qua tất cả những cái gọi lý tưởng cách mạng, giải phóng miền nam thương yêu, và những gì lãng mạn của một cuộc kháng chiến -

giờ đây, ai cũng muốn rũ bỏ tất cả những ám ảnh của chết chóc.

Như một trò đùa trớ trêu trên khắc nghiệt của chiến tranh, Mừng và chiếc xe tăng T54 anh quá giang lãnh trọn 2 quả hỏa tiễn chống tăng M72.

Phát đầu tiên được bắn từ công sự ở đầu cầu Rạch Chiếc làm đứt tung xích chiến xa khiến xe xoay ngang, cũng vừa đủ để trúng phát thứ hai vào hông xe, nơi thép mỏng nhất của T54. Ngọn lửa xanh bùng lên — Mừng văng ra khỏi xe với cảm nhận đau buốt một bên đầu... Toàn bộ lính thiết giáp trên xe chết sạch — chết trong lúc vẫn còn cảm giác hân hoan của kẻ thắng trong trận đấu cuối cùng. Có lẽ, trong cuộc chiến dài hơi suốt 1/4 thế kỷ — họ là những người hy sinh cuối cùng trước ngưỡng cửa Sài Gòn. Chết gục trước giấc mơ hoành tráng, hẳn khó có kết thúc nào tột tệ hơn...

Mừng được chuyển vào bệnh viện 175 ngay sau khi những kẻ bại trận bị xua đi như một đàn cua.

Ngoài những vết lam nham của mảnh đạn M72, Mừng không bị gì thêm. Thoạt đầu, ai cũng nghĩ vậy !

Cuối cùng, các bác sĩ quân y đã phải thở dài sườn sượt khi hiểu ra một điều: Mừng đã bị chấn thương não bộ và khó có khả năng hồi phục trở lại là một kẻ bình thường. Tóm lại, Mừng đã là một thương binh loại nặng vào đúng thời điểm miền nam hoàn toàn bại trận.

Thoạt đầu, Mừng có những cơn vật vã đau đớn không thể kiểm soát được hành vi. Anh hồi tưởng từng thời điểm ngắn và hiểu rất rõ về số phận của mình. Dần dần, những biểu tượng kích động qua đi, Mừng trở thành một anh chàng thương binh hiền lành suốt ngày ngồi ở hành lang bệnh viện giương cặp mắt ngây dại vô hồn nhìn mọi người qua lại.

Thỉnh thoảng, có vài ngày trong tháng — Mừng hoàn toàn tỉnh táo như một người lính bình thường. Anh tìm gặp bác sĩ để khẩn khoản xin về đơn vị, đồng thời viết những lá thư gửi về gia đình với lời lẽ hết sức tình cảm. Nhưng đó chỉ là những lúc hiếm hoi. Bác sĩ đã nhận định:

Sau này có thể sẽ khá hơn, còn như thế này, coi như vô phương !

Cuối cùng, Mừng cũng được trở về quê nhà với đầy đủ chính sách đãi ngộ của một thương binh bậc 5 trên 8. Khi ấy, khó có thể nói Mừng đã lành bệnh và lại càng khó hơn để nhận ra nơi anh những triệu chứng tâm thần.

Gia đình đón đưa con trai trở về sau cuộc chiến với thái độ bình thản không mấy mặn mòi. Cả nhà - chỉ trừ bà mẹ, đều mong Mừng trở về với quân hàm sáng rực ở cầu vai, với chiếc xe đạp Peugeot sườn nhôm, với chiếc radio 4 băng National, với đầu máy may Singer và nhiều xấp vải, như bất kỳ một anh bộ đội nào từ Nam ra Bắc. Họ đâu chờ đợi để đón một người thân mặc quần áo bệnh viện có đôi mắt lạc cả tinh anh và không có đến một chiếc đồng hồ Citizen có người

lái !

Lạ một điều, kể từ ngày về Bắc, Mừng có vẻ hồi phục nhiều. Trong tuần chỉ vài lần anh hoàn toàn mất trí. Càng lúc anh càng cảm nhận trở lại cuộc sống quanh mình và cũng chính vì vậy, anh càng cay đắng nhận ra mình đang là một người thừa !

Về quê được hơn nửa năm, một buổi trưa nọ Mừng đang ngồi vót nan thì nhận ra trước mặt mình - Nhuận xuất hiện.

Cô đã xuất ngũ và đang là một cô trưởng trạm bưu điện ở Hà Bắc. Nghe tin Mừng về, cô lập tức đến tìm.

Có lẽ chúng ta không nên gặp nhau nữa ! Mừng nói với giọng đượm buồn.

Tại sao ? Nhuận hỏi, ánh mắt cô đầy thất vọng.

Anh hiện nay đã là một kẻ bỏ đi, em còn trẻ - chẳng lẽ lại cột cả đời mình vào một người chồng như anh?

Mặc, em chỉ biết em yêu anh... thế là đủ ! Nhuận rần rỗi.

Nhưng anh, anh sợ nhất là bị thương hại !

Sao anh lại có thể nghĩ về em như thế ? Nhuận nói trong lúc nước mắt nhòe nhoẹt trên gương mặt.

Sau đó cả hai ngồi nhìn nhau trong im lặng.

Chỉ đến chiều hôm ấy, Nhuận đã trực tiếp nhìn thấy cái gọi là "kẻ bỏ đi" của Mừng. Cô khóc sụt sùi trong vòng tay của bà mẹ đau khổ. Riêng bà —từ ngày đưa con trai trở về trong sự ghẻ lạnh của anh em và cả bố đẻ, bà đã như hóa đá. Đối với bà, Mừng là đứa con đáng thương và vì nó bà sẵn sàng hy sinh cả quãng đời còn lại, miễn là - nó lại lành lặn như xưa.

Thôi có lẽ nó nói đúng, con đừng nghĩ đến việc gặp lại nó nữa ! Bà nói với giọng buồn rầu.

Không, con yêu anh ấy ! Nhuận nói.

Nhưng con thấy đấy ! Con trai của mẹ không thể đem đến hạnh phúc cho con đâu ! Bà vừa nói vừa vuốt tóc cô gái.

Con sẽ mãi mãi ở bên anh ấy để chăm sóc. Nhuận khẳng định.

Hôm sau, cô gái từ giã gia đình Mừng với lời hứa "sẽ sắp xếp công việc để trở lại thật chóng", và - cũng từ hôm ấy, Nhuận vĩnh viễn biến mất khỏi cuộc đời Mừng như chưa hề tồn tại.

Những lúc hơi tỉnh táo Mừng ngồi hút thuốc một mình nơi góc vắng để nhớ về một cô gái đã cho anh biết mình là một đàn ông. Anh chẳng nói gì với ai nhưng bà mẹ vẫn trộm nhìn đứa con trai với ánh

mắt xót xa thương cảm. Nhuần đã đến và đã đi, tước đi niềm hy vọng nhỏ nhoi còn lại nơi bà. Nhưng bà hoàn toàn không trách cô... Ai có thể gắn bó cả đời mình với một người không còn là người như con trai bà ?

Một buổi sáng mùa đông, Mừng biến mất sau khi để lại vài chữ cùng hồ sơ của một thương binh. Anh không quên để lại mọi sự đãi ngộ của nhà nước cho một kẻ đã từng hy sinh trong cuộc chiến, cho gia đình, cho bà mẹ cả đời khổ lụy vì anh...

Thanh Hải Vô Thượng Sư

Những bài viết về “hiện tượng” Thanh Hải Vô Thượng Sư không phải là ít, và chỉ nội trong khuôn khổ web Giao Điểm cũng đã có hai bài mang tính cảnh tỉnh của các ông Trần Trung Ngôn và Nguyên Hồng. Tuy thế, để có thể đưa ra nhận xét về một đạo giáo nào đó thì điều trước tiên là phải nêu ra những nét chính yếu trong giáo lý của đạo ấy, mà điều này thì, theo thiện ý, các tác giả nói trên có lẽ do thời gian có hạn và do khuôn khổ bài viết không cho phép, nên đã trình bày chưa thật tường minh. Do vậy mà nay xin được góp vài dòng để góp phần làm rõ hơn chân dung của Vô Thượng Sư, người đã được các đệ tử của mình tôn xưng là... “người Mẹ nhọc nhằn của Vũ Trụ”.

(1)

Cuộc Đời “Huyền Thoại” Của Vô Thượng Sư

Theo tiểu sử do các đệ tử xuất bản, Thanh Hải Vô Thượng Sư sinh ra tại Âu Lạc (Âu Lạc chứ không phải Việt Nam!) trong một gia đình ngoan đạo, cha mẹ là giáo dân Cơ Đốc, còn bà nội là Phật tử thuần thành. Do “ảnh hưởng hỗn hợp” từ thuở ấu thơ nên Thượng Sư hình thành một thói quen khác thường là... “sáng...đến nhà thờ cầu nguyện, buổi chiều đi chùa và tối đến thì đi nghe giảng kinh.” (2), chỉ còn thiếu điều nửa đêm thức giấc hướng về Mecca lạy Allah. (Có lẽ Thượng Sư cho rằng cầu nguyện cả Chúa lẫn Phật thì sẽ được phù hộ nhiều gấp đôi chăng?)

Khi còn bé, có lần Thượng Sư gặp gỡ một chiêm tinh gia. Vị này cho biết nếu xuất gia, Thượng Sư sẽ trở thành một cao tăng đắc đạo, nhưng nếu lập gia đình thì sẽ kiếm được một đàng lang quân thành đạt và quý phái. Mẫu thân của Thượng Sư cũng có lần chiêm bao được báo mộng rằng con của bà tới thế giới này là để “cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát...cứu độ chúng sinh.” (3)

Vô Thượng Sư bắt đầu “cứu độ” cho cõi ta bà bằng...nghề phiên dịch viên cho Hội Hồng Thập Tự tại châu Âu, sau đó gặp và kết hôn với một bác sỹ người Đức. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, cuộc hôn nhân ấy tan vỡ, do Thượng Sư quyết định bỏ chồng để đi tu. Được chiêm tinh đoán số, rồi lại hy sinh hạnh phúc gia đình để tìm “chân lý”, thật quả cuộc đời của Thượng Sư là một “sao y bản chánh” của Đức Thích Ca Mâu Ni. Có điều, hành trình tầm đạo của Đức Thích Ca không “ly kỳ” như của Thượng Sư, bởi trong khi Đức Thích Ca chỉ chu du trong cõi Ấn thì Thượng Sư lại bay từ châu Âu qua đến tận...Hy Mã Lạp Sơn để tu, và rốt cuộc đã “đắc đạo” tại đây.

Sau khi giác ngộ tại Hy Mã Lạp Sơn, Thanh Hải Thượng Sư đến Formosa (Formosa chứ không phải Taiwan!), nhưng chỉ ở ẩn mà chưa truyền đạo để “cứu nhân độ thế”. Được Quán Âm Bồ Tát báo mộng, thiện nam tín nữ ùn ùn kéo đến theo học Thượng Sư, song do bản tính “e thẹn”, nên hễ thấy ai đến cầu là Thượng Sư lại lảng tránh đi nơi khác. Mãi đến lần thứ ba “bị tìm thấy”, Thượng Sư mới ý thức được số phận của mình là phải làm...Thượng Sư, và “bắt đắc dĩ” phải đứng ra giảng đạo.

Từ đó đến nay, Thượng Sư “thường đi hoằng pháp khắp Á Châu, Hoa Kỳ, Châu Mỹ La Tinh, Úc, Gia Nã Đại, Mỹ Tây Cơ, và Châu Âu... các buổi thuyết giảng và truyền Tâm Ấn của Ngài đều miễn phí.” (4)

Thượng Sư Day Những Gì?

Trích dẫn cả kinh Phật lẫn Thánh Kinh Cơ Đốc trong những lời thuyết pháp, song Thanh Hải Vô Thượng Sư tuyên bố mình không thuộc về bất kỳ một tôn giáo nào. Những đệ tử của Thượng Sư có quyền giữ nguyên tôn giáo cũ đang theo, nhưng đồng thời được nhắc nhở “niệm tên sư phụ (Thượng Sư luôn xưng là sư phụ, bất kể khi nói chuyện với môn đồ hay người ngoài) nếu muốn”. (Có điều, dường như chỉ khi niệm tên Thượng Sư thì mới nhận được sự cứu độ đầy đủ, vì theo như lời một đệ tử người Panama của Thượng Sư kể lại: có lần anh ta gặp bão tố giữa biển khơi, lúc niệm tên 5 vị Phật thì bão chỉ ngớt, mãi đến lúc niệm tên “sư phụ”, bão mới chịu tan. (5)) Ngoài ra, Thượng Sư cũng tỏ ra khá...dễ tính, khi bảo rằng đệ tử muốn thờ

tổ tiên thì cứ thờ, nhưng nếu đã giác ngộ thì không nên, bởi vì “tổ tiên của quý vị đã được sự phụ dắt đi rồi, giải thoát rồi, không còn ai ở đó đâu! Lạy cái bài vị cũng thấy kỳ!” (6)

Trong một cuộc trả lời phỏng vấn tại Hàn Quốc, Vô Thượng Sư bảo rằng mọi người đều có “Thượng Đế Bên Trong”, và bí quyết để câu thông cùng Thượng Đế ấy, qua đó đạt giác ngộ, là vô cùng đơn giản: Giữ ngũ giới, và hàng ngày tọa thiền 2 tiếng rưỡi. Giữ giới và thiền như thế tức là tu tập Pháp Môn Quán Âm, tập cho đến khi nghe và thấy được... Âm Thanh Thiên Đàng và Ánh Sáng Thiên Đàng là đặc đạo.

Ngũ giới mà Thượng Sư đề cập đến là:

“1/ Tránh giết hại sự sống của các chúng sanh. (Giữ giới luật này bao gồm việc đòi hỏi phải ăn chay, kể cả việc không được dùng trứng)

2/ Tránh nói những điều không thật.

3/ Tránh lấy những gì không phải của mình.

4/ Tránh điều tà dâm.

5/ Tránh dùng những chất kích thích như rượu, ma túy.” (7)

Tuy nhiên, cả ăn chay, ngũ giới, lẫn tọa thiền đều không phải những phát hiện gì mới mẻ, mà đã được các tôn giáo lớn đề cập đến hàng ngàn năm trước Thanh Hải Vô Thượng Sư, sở dĩ bản thân và đạo của Thượng Sư “nổi tiếng” là nhờ hàng loạt những đặc điểm “độc nhất vô nhị” khác.

Những Điểm “Độc Nhất Vô Nhị” Trong Đạo Thanh Hải

1/ Trò=1, Thầy= 999999

Một mặt dạy rằng mỗi người đều có “Thượng Đế Bên Trong”, và để giác ngộ chỉ cần hướng về nội tâm, mặt khác Thanh Hải Vô Thượng Sư lại bảo “Tuy chúng ta có thể tự mình tu hành, nhưng cơ hội thành công chỉ có một phần triệu thôi, lại rất nguy hiểm, và phải mạo hiểm mà kết quả cũng không được chắc chắn...” (8), cho nên để an toàn hơn thì nhất thiết phải có “sự hướng dẫn của Minh Sư” (9). Như vậy, có thể thấy khi nhắc đến “bí quyết đắc đạo” ở trên, Thượng Sư đã “khiêm tốn và tế nhị” khi không đề cập bí quyết quan trọng nhất: được chính Thượng Sư truyền Tâm Ấn.

Thật vậy, khi thọ giáo cùng Thượng Sư, các môn đồ sẽ được sự phụ truyền Tâm Ấn (chắc giống như truyền... nội lực, một lần xài suốt đời). “Lúc thọ Tâm Ấn, tất cả những nghiệp chướng trong quá khứ của đệ tử đều được tiêu trừ.” (10). Chỉ riêng điểm này thôi cũng đủ để Đạo Thanh Hải “vượt xa” các đạo khác, vì trong những tôn giáo trước Thanh Hải, tôn giáo nào cũng dạy người phải nỗ lực tinh tấn mới hòng được giải thoát, chứ làm gì có chuyện “cao siêu” giải thoát

ngay tấp lự như thế! Giải thoát dễ như vậy thì ai mà chẳng muốn theo! Vạn sự khởi đầu nan, nên một khi cái sự khó nhất là tiêu trừ nghiệp chướng Thượng Sư đã làm hộ cho rồi, thì đệ tử chỉ còn việc trì ngũ giới và mỗi ngày thiền 2 tiếng rưỡi để giữ cho cái Tâm Ấn khỏi...bay mất là đủ, còn nếu như không có Thượng Sư thì, dù mỗi ngày thiền 24 tiếng, cơ hội thành công cũng chỉ là một phần triệu, mà lại có nguy cơ “tẩu hỏa nhập ma”.

Thượng Sư Thanh Hải lại còn tài ba hơn các vị giáo chủ khác ở chỗ “Trong Pháp Môn của sư phụ, nếu giữ giới không rõ ràng, không có đạo đức, sư phụ sẽ thu về một phần lực lượng. Pháp Môn của sư phụ khác với các pháp môn khác là sư phụ có thể điều khiển được lực lượng này”. (11) Điều ấy có nghĩa là nếu học trò không vâng lời thì Thượng Sư sẽ lấy lại Tâm Ấn, giống như trong truyện Kim Dung đã truyền nội lực rồi lại thu trở về, khiến cho bao nhiêu nghiệp chướng lại... bay về với đệ tử.

2/ Thượng Sư Cao Hơn Phật

Trong Tức Khắc Khai Ngộ-Khai Thị II, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã khẳng định “Phật không phải là bậc chánh đẳng chánh giác”, do theo như Thượng Sư thì trên thế giới của loài người còn nhiều thế giới khác cao hơn, và Phật chỉ ở vào thế giới thứ 2, trong khi những bậc Minh Sư chân chính như bản thân Thượng Sư thì ở tận...thế giới thứ 5.

Từ trước đến nay, chúng ta biết rằng ngoài cảnh giới con người ra, còn có cả thảy 5 cảnh giới khác. Thứ tự của 6 cảnh giới từ thấp đến cao là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a tu la, nhân, và thiên. Song le, Thanh Hải Vô Thượng Sư lại đưa ra một “phát minh” mới lạ khi cho biết thế giới thứ nhất ở trên nhân gian là thế giới của loài a tu la, tức a tu la cao hơn người một bậc, và thua Phật có...mỗi một bậc.

Thượng Sư viết “Khi quý vị đạt đến đẳng cấp “Bồ Đề” là quý vị thành Phật...Nhiều người gọi những người khai ngộ là “Phật”. Nếu người này chưa vượt qua thế giới thứ hai, có thể họ rất hãnh diện, tự nhận mình là Phật sống, đệ tử của họ cũng rất hãnh diện gọi họ là Phật. Nhưng sự thật, họ chỉ đạt đến cảnh giới thứ hai.” (12). Thành Phật tuy đã khá nhưng hãy còn kém, vì “Thế giới thứ năm mới là quê hương của các vị minh sư, tất cả minh sư đều đến từ đây.” (13) Chả thế mà khi gặp Thượng Sư, một vị “đạo gia kiêm khoa học gia” ở Nhật (đáng tiếc không thấy Thượng Sư nêu rõ là ai!) đã nhận định rằng “Sư phụ có được phẩm chất của các vị Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, và Quán Thế Âm Bồ Tát” (14). (Đúng là sư phụ...3 trong 1!)

Chính bởi có đẳng cấp “cao hơn cả Phật” nên Thượng Sư đã tự cho mình cái quyền “đổi trắng thay đen, biến mèo thành chó”. Khá nhiều những kiến thức và luận điểm cơ bản đã được Thượng Sư biến đổi một cách “đầy sáng tạo”, đơn cử như việc Thượng Sư giảng rằng “Hán Trang Tử” là “một minh sư vĩ đại của Thiền tông Trung Hoa”, còn Khổng Tử là “đạo gia” (15). Trời hỡi, trong lịch sử Trung Hoa chỉ có mỗi một triết gia Trang Tử (Nam Hoa Chân Nhân), nhưng ông là đạo gia chứ không phải thiền sư, còn Khổng Phu Tử thì là nho gia chứ liên quan gì đến đạo giáo! Vả lại, vì Trang Tử vốn họ...Trang nên chữ Hán ở đây chỉ có thể hiểu là thời đại ông đang sống (như Hạ Kiệt là vua Kiệt nhà Hạ, Ngu Thuấn là đế Thuấn nhà Ngu), mà trong thực tế thì Trang Tử lại sinh vào đời Đông Chu Chiến Quốc (475BC-221BC), chứ nào phải đời Hán (206BC-220). Tương tự như thế, Ngôi Lời (The Word) trong Thánh Kinh Cơ Đốc vốn được dùng để chỉ về Jesus Christ, song Thượng Sư lại bảo Ngôi Lời này là...Âm Nhạc Thiên Đường, và dạy rằng Pháp Môn Quán Âm chính là để “quán” cái “âm” ấy!

Tiếp tục dùng cái quyền “cao hơn Phật” của mình, Thượng Sư khuyên mọi người ăn chay bằng cách dẫn lời của Jehovah trong Thánh Kinh: “Thí dụ trong chương Một của Cựu Ước, Thượng Đế nói: ‘Ta tạo ra tất cả các loài vật để làm bạn với các ngươi, giúp đỡ các ngươi. Các ngươi nên coi sóc chúng.’ Sau đó Ngài nói, Ngài tạo ra các loài thức ăn cho các loài vật, mỗi loài vật có thức ăn khác nhau. Nhưng Ngài không bảo chúng ta ăn loài vật, Ngài không nói như vậy. Ngài nói ‘Ta tạo các loại thực vật, những rau cải trong ruộng, những hoa quả trên cây mùi vị vừa ngọt ngào vừa đẹp mắt, đó là thực phẩm của các ngươi.’” (16) Tuy nhiên, dẫn lời Jehovah để khuyên mọi người ăn chay thì cũng chẳng khác dẫn lời đồ tể khuyên đừng giết lợn, vì đúng là trong thiên Genesis của Thánh Kinh có những lời tương tự vậy, nhưng không hiểu do vô tình hay cố ý mà Thượng Sư lại quên mất rằng, ngay sau đó, cũng chính trong Genesis, Jehovah đã cho phép con người ăn thịt, chỉ cấm húp máu, và hơn thế nữa, còn đòi hỏi con người phải hằng ngày hiến tế cho mình biết bao nhiêu là bò, là cừu, là dê, trong những ngày cao điểm lên đến hàng ngàn con một lúc!

3/ Tính “Khô Hài”

Càng ở thế giới cao thì càng khô hài, ấy thế nên đọc kinh của Thanh Hải Vô Thượng Sư nhiều khi còn thấy “hài” hơn cả xem phim Charlie Chaplin hay Rowan Atkinson. Chúng ta thử xét các đoạn sau:

“Nghe nói gần đây ở Mỹ mới phát minh được một loại máy có thể

giúp người nhập định...hiện đang được bán với giá rẻ...từ bốn trăm đến bảy trăm đồng....loại máy này được chế tạo cho những người lười biếng tọa thiền, nhưng lại muốn được nhập định ngay... Muốn nhập định chỉ cần đeo máy nghe và bịt mắt là đủ, như vậy cũng được lắm! Bốn trăm Mỹ kim thôi, rất rẻ. Nhưng cách nhập định của chúng tôi càng rẻ hơn, vừa hoàn toàn miễn phí lại vừa vĩnh cửu, không cần dùng điện, cũng không cần dùng pin, không lo ngại máy móc bị trở ngại, hoặc phải sửa chữa.” (17)

”Cũng giống như định luật vật lý, muốn phóng hỏa tiễn vượt khỏi sức hút của trái đất cần phải có một sức đẩy rất lớn ở đằng sau, khi hỏa tiễn bay nhanh, cũng phát ra những tia sáng. Cho nên sư phụ đoán rằng khi chúng ta bay nhanh vào siêu thế giới, chúng ta cũng phóng ra những tia sáng, cũng nghe thấy được âm thanh.” (18)

”Bên trong chúng ta có một công cụ bay nhanh hơn cả UFO, đó là linh hồn của chúng ta, còn gọi là linh thể. Dùng linh thể bay khỏi tồn nhiên liệu, không sợ cảnh sát, không sợ bị cản trở lưu thông, và cũng không cần lo lắng có một ngày nước Á Rập không bán dầu cho chúng ta.”, nhưng “trong vũ trụ có những pháp luật mà chúng ta cần phải tuân theo, cũng như lúc lái xe cần phải tuân theo luật giao thông vậy: đèn đỏ thì ngừng, đèn xanh thì chạy, lái xe bên tay phải, tay trái, tốc độ giới hạn là bao nhiêu” (19)

”Bây giờ việc truyền bá dễ dàng, cho nên chúng ta mới biết có nhiều vị đại sư, quý vị rất may mắn, có thể lựa chọn vị Minh Sư mình thích như đi mua sắm vậy. Quý vị có thể so sánh, dùng trí huệ của quý vị phán đoán “Ồ, người này tương đối khá” hoặc “Tôi có vẻ thích người này hơn”, “Người này trông dễ sợ quá”, “Người kia xấu quá”.” (20)

”Nếu đã lỡ có tình nhân rồi thì đừng nói cho chồng mình nghe, nói ra chỉ làm ông thêm đau lòng mà thôi...làm như vậy là bậy, là không tốt. Quý vị đã phạm lỗi rồi, tại sao còn đem rơm rác về nhà bắt người khác phải chia sẻ?” (21)

(Khi được hỏi về biện pháp giải quyết nạn gia tăng dân số) “Người đông một chút cũng tốt, có gì là không tốt? Càng đông, càng ồn ào thì càng vui phải không?” (22)

”Sư phụ đã từng nói Colorado là nơi có rất nhiều linh khí, Mỗi lần Sư Phụ đến giảng kinh đều có một nguồn cảm hứng cao, nên buổi giảng kinh nào cũng nói ra những lời sâu sắc” (23)

Những đoạn trích trên không những cho thấy tính khôi hài mà còn thể hiện rõ bản chất “độc nhất vô nhị” của Thanh Hải Vô Thượng Sư. Có lẽ chỉ có đạo của Thượng Sư là khuyến khích vợ lừa dối chồng (chắc Thượng Sư có nhiều kinh nghiệm về chuyện này!), và có lẽ

cũng chỉ có Thượng Sư là vị giáo chủ duy nhất “đắc đạo tùy hứng”, có “hứng” lên thì mới nói những lời sâu sắc được. Hơn thế nữa, với ngôn ngữ đầy tính...tiếp thị, Thượng Sư còn cho chúng ta thấy rõ một thực trạng rất đáng mừng hiện nay là: chọn Minh Sư để chẳng khác nào đi chợ chọn...gà.

Thầy nào trò nấy. Thượng Sư đã vậy, còn các học trò khi nói và viết bài về thầy cũng khôi hài không kém. Chẳng hạn như khi Thượng Sư dạo chơi trong một khu vườn ở Thái Lan, bỗng nhiên có 2 quả xoài rơi xuống, thế là một đệ tử hô ngay lên rằng “Xoài tự động rớt xuống cúng dường sư phụ” (24) (Vây mai kia có ai đi vào vườn sầu riêng bị sầu riêng rơi trúng đầu thì cũng đừng lấy làm phiền, vì mình có đắc đạo thì sầu riêng mới xuống cúng dường đó!). Một lần khác Thượng Sư tới Mỹ, nhân trời nắng đẹp, một đệ tử nửa tầm tắc “Tuy đài khí tượng dự đoán ngày hoàng pháp sẽ có mưa to gió lớn, nhưng dường như long thần hộ pháp đã âm thầm giúp đỡ, nên ngày hôm ấy không có mưa mà mọi người còn hưởng được khung trời nắng ấm” (25). Không biết có phải chính đệ tử này không sau đó lại “ca” tiếp ở Mã Lai trong một buổi mưa dầm dề “một sự trùng hợp ngẫu nhiên, hai ngày sau buổi giảng kinh, nửa đêm trời mưa to gió lớn...Dường như sư phụ dùng nước cam lồ để rửa sạch cho cả nước, dùng cách nhẹ nhàng nhất để dọn sạch quốc gia này.” (26) (Aesop quả chí lý, cái lười đúng là lợi hại, mưa thì “lý” thế này, mà nắng thì “luận” thế khác.)

Tuy thế, những câu chuyện ấy còn chưa “hài” mấy, mà hài nhất là chuyện một anh chàng đệ tử đã có “diễm phúc” mua được chai...xì dầu Maggi trong một buổi bán đấu giá đồ lạc xoong do Thượng Sư tổ chức. Tậu được chai xì dầu mà “Sư Phụ” từng dùng qua, anh hí hửng ôm ngay về nhà và “âm thầm không nói. Điều thần kỳ là những người trong gia đình anh (chưa Tâm Ấn) đã cảm nhận được có gì khác lạ, mỗi đêm đều thấy sư phụ đến gia trì. Nhịn không nổi nên hỏi nguyên nhân, đồng tu của chúng ta mới đem chai xì dầu Maggi ra. Lúc đó mọi người mới hốt nhiên đại ngộ. Nhân tiện anh chia cho mỗi người 2 giọt. Những giọt xì dầu Maggi này tưởng chừng như nước tịnh thủy của Quán Âm Bồ Tát.” (27)

Kết

Ở trên là những trình bày sơ lược về “Thanh Hải Vô Thượng Sư và Giáo Lý Của “Ngài” qua một vài tác phẩm của chính Thượng Sư, còn đánh giá ra sao về Thượng Sư xin được giành quyền cho các thức giả. Có lẽ do hiểu biết nông cạn nên chưa hiểu hết được “tư tưởng uyên áo” của Thượng Sư; nhưng dù sao, nếu được nêu ý kiến của

riêng mình, chúng tôi xin được bái phục Thượng Sư về tài khôi hài của “Ngài”, mà khôi hài nhất là việc “Ngài” nghĩ rằng mình là... Vô Thượng Sư!

Chú thích:

- (1) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 89)
- (2) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 10)
- (3) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 11)
- (4) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 15)
- (5) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 40)
- (6) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 90)
- (7) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 62)
- (8) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 35)
- (9) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 35)
- (10) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 35)
- (11) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 56)
- (12) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 23)
- (13) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 35)

- (14) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 22)
- (15) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 74) và Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 51)
- (16) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 28)
- (17) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 19)
- (18) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 20)
- (19) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 26)
- (20) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 45)
- (21) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 47)
- (22) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 53)
- (23) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 12)
- (24) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 24)
- (25) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 12)
- (26) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 24)
- (27) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 34)
- (Sách báo của Thượng Sư rất nhiều nhưng tựu trung chỉ là “đại đồng tiểu dị”, nên chúng tôi xin phép chỉ lấy ra 1 tập sách và 1 tập báo làm

tiêu biểu để đưa ra dẫn chứng trong bài viết) ao Diễm cũng đã có hai bài mang tính cảnh tỉnh của các ông Trần Trung Ngôn và Nguyên Hồng. Tuy thế, để có thể đưa ra nhận xét về một đạo giáo nào đó thì điều trước tiên là phải nêu ra những nét chính yếu trong giáo lý của đạo ấy, mà điều này thì, theo thiện ý, các tác giả nói trên có lẽ do thời gian có hạn và do khuôn khổ bài viết không cho phép, nên đã trình bày chưa thật tường minh. Do vậy mà nay xin được góp vài dòng để góp phần làm rõ hơn chân dung của Vô Thượng Sư, người đã được các đệ tử của mình tôn xưng là... “người Mẹ nhọc nhằn của Vũ Trụ”. (1)

Cuộc Đời “Huyền Thoại” Của Vô Thượng Sư

Theo tiểu sử do các đệ tử xuất bản, Thanh Hải Vô Thượng Sư sinh ra tại Âu Lạc (Âu Lạc chứ không phải Việt Nam!) trong một gia đình ngoan đạo, cha mẹ là giáo dân Cơ Đốc, còn bà nội là Phật tử thuần thành. Do “ảnh hưởng hỗn hợp” từ thuở ấu thơ nên Thượng Sư hình thành một thói quen khác thường là... “sáng...đến nhà thờ cầu nguyện, buổi chiều đi chùa và tối đến thì đi nghe giảng kinh.” (2), chỉ còn thiếu điều nửa đêm thức giấc hướng về Mecca lạy Allah. (Có lẽ Thượng Sư cho rằng cầu nguyện cả Chúa lẫn Phật thì sẽ được phù hộ nhiều gấp đôi chăng?)

Khi còn bé, có lần Thượng Sư gặp gỡ một chiêm tinh gia. Vị này cho biết nếu xuất gia, Thượng Sư sẽ trở thành một cao tăng đắc đạo, nhưng nếu lập gia đình thì sẽ kiếm được một đàng lang quân thành đạt và quý phái. Mẫu thân của Thượng Sư cũng có lần chiêm bao được báo mộng rằng con của bà tới thế giới này là để “cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát...cứu độ chúng sinh.” (3)

Vô Thượng Sư bắt đầu “cứu độ” cho cõi ta bà bằng...nghề phiên dịch viên cho Hội Hồng Thập Tự tại châu Âu, sau đó gặp và kết hôn với một bác sỹ người Đức. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, cuộc hôn nhân ấy tan vỡ, do Thượng Sư quyết định bỏ chồng để đi tu. Được chiêm tinh đoán số, rồi lại hy sinh hạnh phúc gia đình để tìm “chân lý”, thật quả cuộc đời của Thượng Sư là một “sao y bản chánh” của Đức Thích Ca Mâu Ni. Có điều, hành trình tầm đạo của Đức Thích Ca không “ly kỳ” như của Thượng Sư, bởi trong khi Đức Thích Ca chỉ chu du trong cõi Ấn thì Thượng Sư lại bay từ châu Âu qua đến tận...Hy Mã Lạp Sơn để tu, và rốt cuộc đã “đắc đạo” tại đây.

Sau khi giác ngộ tại Hy Mã Lạp Sơn, Thanh Hải Vô Thượng Sư đến Formosa (Formosa chứ không phải Taiwan!), nhưng chỉ ở ẩn mà chưa truyền đạo để “cứu nhân độ thế”. Được Quán Âm Bồ Tát báo mộng, thiện nam tín nữ ùn ùn kéo đến theo học Thượng Sư, song do

bản tính “e then”, nên hễ thấy ai đến cầu là Thượng Sư lại lảng tránh đi nơi khác. Mãi đến lần thứ ba “bị tìm thấy”, Thượng Sư mới ý thức được số phận của mình là phải làm...Thượng Sư, và “bất đắc dĩ” phải đứng ra giảng đạo.

Từ đó đến nay, Thượng Sư “thường đi hoằng pháp khắp Á Châu, Hoa Kỳ, Châu Mỹ La Tinh, Úc, Gia Nã Đại, Mễ Tây Cơ, và Châu Âu... các buổi thuyết giảng và truyền Tâm Ấn của Ngài đều miễn phí.” (4)

Thượng Sư Day Những Gì?

Trích dẫn cả kinh Phật lẫn Thánh Kinh Cơ Đốc trong những lời thuyết pháp, song Thanh Hải Vô Thượng Sư tuyên bố mình không thuộc về bất kỳ một tôn giáo nào. Những đệ tử của Thượng Sư có quyền giữ nguyên tôn giáo cũ đang theo, nhưng đồng thời được nhắc nhở “niệm tên sư phụ (Thượng Sư luôn xưng là sư phụ, bất kể khi nói chuyện với môn đồ hay người ngoài) nếu muốn”. (Có điều, dường như chỉ khi niệm tên Thượng Sư thì mới nhận được sự cứu độ đầy đủ, vì theo như lời một đệ tử người Panama của Thượng Sư kể lại: có lần anh ta gặp bão tố giữa biển khơi, lúc niệm tên 5 vị Phật thì bão chỉ ngớt, mãi đến lúc niệm tên “sư phụ”, bão mới chịu tan. (5)) Ngoài ra, Thượng Sư cũng tỏ ra khá...dễ tính, khi bảo rằng đệ tử muốn thờ tổ tiên thì cứ thờ, nhưng nếu đã giác ngộ thì không nên, bởi vì “tổ tiên của quý vị đã được sư phụ dắt đi rồi, giải thoát rồi, không còn ai ở đó đâu! Lạy cái bài vị cũng thấy kỳ!” (6)

Trong một cuộc trả lời phỏng vấn tại Hàn Quốc, Vô Thượng Sư bảo rằng mọi người đều có “Thượng Đế Bên Trong”, và bí quyết để câu thông cùng Thượng Đế ấy, qua đó đạt giác ngộ, là vô cùng đơn giản: Giữ ngũ giới, và hàng ngày tọa thiền 2 tiếng rưỡi. Giữ giới và thiền như thế tức là tu tập Pháp Môn Quán Âm, tập cho đến khi nghe và thấy được...Âm Thanh Thiên Đàng và Ánh Sáng Thiên Đàng là đắc đạo.

Ngũ giới mà Thượng Sư đề cập đến là:

“1/ Tránh giết hại sự sống của các chúng sanh. (Giữ giới luật này bao gồm việc đòi hỏi phải ăn chay, kể cả việc không được dùng trứng)

2/ Tránh nói những điều không thật.

3/ Tránh lấy những gì không phải của mình.

4/ Tránh điều tà dâm.

5/ Tránh dùng những chất kích thích như rượu, ma túy.” (7)

Tuy nhiên, cả ăn chay, ngũ giới, lẫn tọa thiền đều không phải những phát hiện gì mới mẻ, mà đã được các tôn giáo lớn đề cập đến hàng ngàn năm trước Thanh Hải Vô Thượng Sư, sở dĩ bản thân và đạo

của Thượng Sư “nổi tiếng” là nhờ hàng loạt những đặc điểm “độc nhất vô nhị” khác.

Những Điểm “Độc Nhất Vô Nhị” Trong Đạo Thanh Hải

1/ Trò=1, Thầy= 999999

Một mặt dạy rằng mỗi người đều có “Thượng Đế Bên Trong”, và để giác ngộ chỉ cần hướng về nội tâm, mặt khác Thanh Hải Vô Thượng Sư lại bảo “Tuy chúng ta có thể tự mình tu hành, nhưng cơ hội thành công chỉ có một phần triệu thôi, lại rất nguy hiểm, và phải mạo hiểm mà kết quả cũng không được chắc chắn...” (8), cho nên để an toàn hơn thì nhất thiết phải có “sự hướng dẫn của Minh Sư” (9). Như vậy, có thể thấy khi nhắc đến “bí quyết đắc đạo” ở trên, Thượng Sư đã “khiêm tốn và tế nhị” khi không đề cập bí quyết quan trọng nhất: được chính Thượng Sư truyền Tâm Ấn.

Thật vậy, khi thọ giáo cùng Thượng Sư, các môn đồ sẽ được sự phụ truyền Tâm Ấn (chắc giống như truyền... nội lực, một lần xài suốt đời). “Lúc thọ Tâm Ấn, tất cả những nghiệp chướng trong quá khứ của đệ tử đều được tiêu trừ.” (10). Chỉ riêng điểm này thôi cũng đủ để Đạo Thanh Hải “vượt xa” các đạo khác, vì trong những tôn giáo trước Thanh Hải, tôn giáo nào cũng dạy người phải nỗ lực tinh tấn mới hòng được giải thoát, chứ làm gì có chuyện “cao siêu” giải thoát ngay tắp lự như thế! Giải thoát dễ như vậy thì ai mà chẳng muốn theo! Vạn sự khởi đầu nan, nên một khi cái sự khó nhất là tiêu trừ nghiệp chướng Thượng Sư đã làm hộ cho rồi, thì đệ tử chỉ còn việc trì ngũ giới và mỗi ngày thiền 2 tiếng rưỡi để giữ cho cái Tâm Ấn khỏi...bay mất là đủ, còn nếu như không có Thượng Sư thì, dù mỗi ngày thiền 24 tiếng, cơ hội thành công cũng chỉ là một phần triệu, mà lại có nguy cơ “tẩu hỏa nhập ma”.

Thượng Sư Thanh Hải lại còn tài ba hơn các vị giáo chủ khác ở chỗ “Trong Pháp Môn của sư phụ, nếu giữ giới không rõ ràng, không có đạo đức, sư phụ sẽ thu về một phần lực lượng. Pháp Môn của sư phụ khác với các pháp môn khác là sư phụ có thể điều khiển được lực lượng này”. (11) Điều ấy có nghĩa là nếu học trò không vâng lời thì Thượng Sư sẽ lấy lại Tâm Ấn, giống như trong truyện Kim Dung đã truyền nội lực rồi lại thu trở về, khiến cho bao nhiêu nghiệp chướng lại... bay về với đệ tử.

2/ Thượng Sư Cao Hơn Phật

Trong Tức Khắc Khai Ngộ-Khai Thị II, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã khẳng định “Phật không phải là bậc chánh đẳng chánh giác”, do theo như Thượng Sư thì trên thế giới của loài người còn nhiều thế giới khác cao hơn, và Phật chỉ ở vào thế giới thứ 2, trong khi những bậc

Minh Sư chân chính như bản thân Thượng Sư thì ở tận...thế giới thứ 5.

Từ trước đến nay, chúng ta biết rằng ngoài cảnh giới con người ra, còn có cả thảy 5 cảnh giới khác. Thứ tự của 6 cảnh giới từ thấp đến cao là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a tu la, nhân, và thiên. Song le, Thanh Hải Vô Thượng Sư lại đưa ra một “phát minh” mới lạ khi cho biết thế giới thứ nhất ở trên nhân gian là thế giới của loài a tu la, tức a tu la cao hơn người một bậc, và thua Phật có...mỗi một bậc.

Thượng Sư viết “Khi quý vị đạt đến đẳng cấp “Bồ Đề” là quý vị thành Phật...Nhiều người gọi những người khai ngộ là “Phật”. Nếu người này chưa vượt qua thế giới thứ hai, có thể họ rất hãnh diện, tự nhận mình là Phật sống, đệ tử của họ cũng rất hãnh diện gọi họ là Phật. Nhưng sự thật, họ chỉ đạt đến cảnh giới thứ hai.” (12). Thành Phật tuy đã khá nhưng hãy còn kém, vì “Thế giới thứ năm mới là quê hương của các vị minh sư, tất cả minh sư đều đến từ đây.” (13) Chẳng thế mà khi gặp Thượng Sư, một vị “đạo gia kiêm khoa học gia” ở Nhật (đáng tiếc không thấy Thượng Sư nêu rõ là ai!) đã nhận định rằng “Sư phụ có được phẩm chất của các vị Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, và Quán Thế Âm Bồ Tát” (14). (Đúng là sư phụ...3 trong 1!)

Chính bởi có đẳng cấp “cao hơn cả Phật” nên Thượng Sư đã tự cho mình cái quyền “đổi trắng thay đen, biến mèo thành chó”. Khá nhiều những kiến thức và luận điểm cơ bản đã được Thượng Sư biến đổi một cách “đầy sáng tạo”, đơn cử như việc Thượng Sư giảng rằng “Hán Trang Tử” là “một minh sư vĩ đại của Thiên tông Trung Hoa”, còn Khổng Tử là “đạo gia” (15). Trời hỡi, trong lịch sử Trung Hoa chỉ có mỗi một triết gia Trang Tử (Nam Hoa Chân Nhân), nhưng ông là đạo gia chứ không phải thiên sư, còn Khổng Phu Tử thì là nho gia chứ liên quan gì đến đạo giáo! Vả lại, vì Trang Tử vốn họ...Trang nên chữ Hán ở đây chỉ có thể hiểu là thời đại ông đang sống (như Hạ Kiệt là vua Kiệt nhà Hạ, Ngu Thuấn là đế Thuấn nhà Ngu), mà trong thực tế thì Trang Tử lại sinh vào đời Đông Chu Chiến Quốc (475BC-221BC), chứ nào phải đời Hán (206BC-220). Tương tự như thế, Ngôi Lời (The Word) trong Thánh Kinh Cơ Đốc vốn được dùng để chỉ về Jesus Christ, song Thượng Sư lại bảo Ngôi Lời này là...Âm Nhạc Thiên Đường, và dạy rằng Pháp Môn Quán Âm chính là để “quán” cái “âm” ấy!

Tiếp tục dùng cái quyền “cao hơn Phật” của mình, Thượng Sư khuyên mọi người ăn chay bằng cách dẫn lời của Jehovah trong Thánh Kinh: “Thí dụ trong chương Một của Cựu Ước, Thượng Đế

nói: ‘Ta tạo ra tất cả các loài vật để làm bạn với các người, giúp đỡ các người. Các người nên coi sóc chúng.’ Sau đó Ngài nói, Ngài tạo ra các loài thức ăn cho các loài vật, mỗi loài vật có thức ăn khác nhau. Nhưng Ngài không bảo chúng ta ăn loài vật, Ngài không nói như vậy. Ngài nói ‘Ta tạo các loại thực vật, những rau cải trong ruộng, những hoa quả trên cây mùi vị vừa ngọt ngào vừa đẹp mắt, đó là thực phẩm của các người.’” (16) Tuy nhiên, dẫn lời Jehovah để khuyên mọi người ăn chay thì cũng chẳng khác dẫn lời đồ tể khuyên đừng giết lợn, vì đúng là trong thiên Genesis của Thánh Kinh có những lời tương tự vậy, nhưng không hiểu do vô tình hay cố ý mà Thượng Sư lại quên mất rằng, ngay sau đó, cũng chính trong Genesis, Jehovah đã cho phép con người ăn thịt, chỉ cấm húp máu, và hơn thế nữa, còn đòi hỏi con người phải hằng ngày hiến tế cho mình biết bao nhiêu là bò, là cừu, là dê, trong những ngày cao điểm lên đến hàng ngàn con một lúc!

3/ Tính “Khôi Hài”

Càng ở thế giới cao thì càng khôi hài, ấy thế nên đọc kinh của Thanh Hải Vô Thượng Sư nhiều khi còn thấy “hài” hơn cả xem phim Charlie Chaplin hay Rowan Atkinson. Chúng ta thử xét các đoạn sau:

“Nghe nói gần đây ở Mỹ mới phát minh được một loại máy có thể giúp người nhập định...hiện đang được bán với giá rẻ...từ bốn trăm đến bảy trăm đồng...loại máy này được chế tạo cho những người lười biếng tọa thiền, nhưng lại muốn được nhập định ngay... Muốn nhập định chỉ cần đeo máy nghe và bịt mắt là đủ, như vậy cũng được lắm! Bốn trăm Mỹ kim thôi, rất rẻ. Nhưng cách nhập định của chúng tôi càng rẻ hơn, vừa hoàn toàn miễn phí lại vừa vĩnh cửu, không cần dùng điện, cũng không cần dùng pin, không lo ngại máy móc bị trở ngại, hoặc phải sửa chữa.” (17)

“Cũng giống như định luật vật lý, muốn phóng hỏa tiễn vượt khỏi sức hút của trái đất cần phải có một sức đẩy rất lớn ở đằng sau, khi hỏa tiễn bay nhanh, cũng phát ra những tia sáng. Cho nên sư phụ đoán rằng khi chúng ta bay nhanh vào siêu thế giới, chúng ta cũng phóng ra những tia sáng, cũng nghe thấy được âm thanh.” (18)

“Bên trong chúng ta có một công cụ bay nhanh hơn cả UFO, đó là linh hồn của chúng ta, còn gọi là linh thể. Dùng linh thể bay khỏi tồn nhiên liệu, không sợ cảnh sát, không sợ bị cản trở lưu thông, và cũng không cần lo lắng có một ngày nước Á Rập không bán dầu cho chúng ta.”, nhưng “trong vũ trụ có những pháp luật mà chúng ta cần phải tuân theo, cũng như lúc lái xe cần phải tuân theo luật giao thông vậy: đèn đỏ thì ngừng, đèn xanh thì chạy, lái xe bên tay phải, tay trái,

tốc độ giới hạn là bao nhiêu” (19)

“Bây giờ việc truyền bá dễ dàng, cho nên chúng ta mới biết có nhiều vị đại sư, quý vị rất may mắn, có thể lựa chọn vị Minh Sư mình thích như đi mua sắm vậy. Quý vị có thể so sánh, dùng trí huệ của quý vị phán đoán “Ồ, người này tương đối khá” hoặc “Tôi có vẻ thích người này hơn”, “Người này trông dễ sợ quá”, “Người kia xấu quá””. (20)

“Nếu đã lỡ có tình nhân rồi thì đừng nói cho chồng mình nghe, nói ra chỉ làm ông thêm đau lòng mà thôi...làm như vậy là bậy, là không tốt. Quý vị đã phạm lỗi rồi, tại sao còn đem rơm rác về nhà bắt người khác phải chia sẻ?” (21)

(Khi được hỏi về biện pháp giải quyết nạn gia tăng dân số) “Người đông một chút cũng tốt, có gì là không tốt? Càng đông, càng ồn ào thì càng vui phải không?” (22)

“Sư phụ đã từng nói Colorado là nơi có rất nhiều linh khí, Mỗi lần Sư Phụ đến giảng kinh đều có một nguồn cảm hứng cao, nên buổi giảng kinh nào cũng nói ra những lời sâu sắc” (23)

Những đoạn trích trên không những cho thấy tính khôi hài mà còn thể hiện rõ bản chất “độc nhất vô nhị” của Thanh Hải Vô Thượng Sư. Có lẽ chỉ có đạo của Thượng Sư là khuyến khích vợ lừa dối chồng (chắc Thượng Sư có nhiều kinh nghiệm về chuyện này!), và có lẽ cũng chỉ có Thượng Sư là vị giáo chủ duy nhất “đắc đạo tùy hứng”, có “hứng” lên thì mới nói những lời sâu sắc được. Hơn thế nữa, với ngôn ngữ đầy tính...tiếp thị, Thượng Sư còn cho chúng ta thấy rõ một thực trạng rất đáng mừng hiện nay là: chọn Minh Sư để chẳng khác nào đi chợ chọn...gà.

Thầy nào trò nấy. Thượng Sư đã vậy, còn các học trò khi nói và viết bài về thầy cũng khôi hài không kém. Chẳng hạn như khi Thượng Sư dạo chơi trong một khu vườn ở Thái Lan, bỗng nhiên có 2 quả xoài rơi xuống, thế là một đệ tử hô ngay lên rằng “Xoài tự động rớt xuống cúng dường sư phụ” (24) (Vây mai kia có ai đi vào vườn sầu riêng bị sầu riêng rơi trúng đầu thì cũng đừng lấy làm phiền, vì mình có đắc đạo thì sầu riêng mới xuống cúng dường đó!). Một lần khác Thượng Sư tới Mỹ, nhân trời nắng đẹp, một đệ tử nửa tầm tắc “Tuy đài khí tượng dự đoán ngày hoàng pháp sẽ có mưa to gió lớn, nhưng dường như long thần hộ pháp đã âm thầm giúp đỡ, nên ngày hôm ấy không có mưa mà mọi người còn hưởng được khung trời nắng ấm” (25). Không biết có phải chính đệ tử này không sau đó lại “ca” tiếp ở Mã Lai trong một buổi mưa dầm dề “một sự trùng hợp ngẫu nhiên, hai ngày sau buổi giảng kinh, nửa đêm trời mưa to gió lớn...Dường như sư phụ dùng nước cam lồ để rửa sạch cho cả nước, dùng cách

nhẹ nhàng nhất để dọn sạch quốc gia này.” (26) (Aesop quả chí lý, cái lưỡi đúng là lợi hại, mưa thì “lý” thế này, mà nắng thì “luận” thế khác.)

Tuy thế, những câu chuyện ấy còn chưa “hài” mấy, mà hài nhất là chuyện một anh chàng đệ tử đã có “diễm phúc” mua được chai...xì dầu Maggi trong một buổi bán đấu giá đồ lạc xoong do Thượng Sư tổ chức. Tậu được chai xì dầu mà “Sư Phụ” từng dùng qua, anh hí hửng ôm ngay về nhà và “âm thầm không nói. Điều thần kỳ là những người trong gia đình anh (chưa Tâm Ấn) đã cảm nhận được có gì khác lạ, mỗi đêm đều thấy sư phụ đến gia trì. Nhịn không nổi nên hỏi nguyên nhân, đồng tu của chúng ta mới đem chai xì dầu Maggi ra. Lúc đó mọi người mới hốt nhiên đại ngộ. Nhân tiện anh chia cho mỗi người 2 giọt. Những giọt xì dầu Maggi này tưởng chừng như nước tinh thủy của Quán Âm Bồ Tát.” (27)

Kết

Ở trên là những trình bày sơ lược về “Thanh Hải Vô Thượng Sư và Giáo Lý Của “Ngài” qua một vài tác phẩm của chính Thượng Sư, còn đánh giá ra sao về Thượng Sư xin được giành quyền cho các thức giả. Có lẽ do hiểu biết nông cạn nên chưa hiểu hết được “tư tưởng uyên áo” của Thượng Sư; nhưng dù sao, nếu được nêu ý kiến của riêng mình, chúng tôi xin được bái phục Thượng Sư về tài khôi hài của “Ngài”, mà khôi hài nhất là việc “Ngài” nghĩ rằng mình là...Vô Thượng Sư!

Chú thích:

- (1) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 89)
- (2) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 10)
- (3) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 11)
- (4) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiện Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 15)
- (5) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 40)
- (6) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiện Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 90)
- (7) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB:

- Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 62)
- (8) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 35)
- (9) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 35)
- (10) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 35)
- (11) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 56)
- (12) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 23)
- (13) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 35)
- (14) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiên Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 22)
- (15) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 74) và Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiên Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 51)
- (16) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 28)
- (17) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 19)
- (18) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 20)
- (19) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 26)
- (20) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB:

Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 45)

(21) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 47)

(22) Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ Hiện Đời Giải Thoát, 1994, NXB: Công ty ấn loát của Hội Thiên Định Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư, ROC (trang 53)

(23) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiên Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 12)

(24) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiên Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 24)

(25) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiên Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 12)

(26) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiên Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 24)

(27) Thanh Hải Vô Thượng Sư bản tin 28, 7/5/1993, NXB: Hội Thiên Định Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Trung Hoa (trang 34)

(Sách báo của Thượng Sư rất nhiều nhưng tựu trung chỉ là “đại đồng tiểu dị”, nên chúng tôi xin phép chỉ lấy ra 1 tập sách và 1 tập báo làm tiêu biểu để đưa ra dẫn chứng trong bài viết)

Nguồn: giaodiem. com

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 24/04/2005 5:29:21 CH